



Annual Report 2009

Báo cáo thường niên



HABUBANK

Giá trị tích lũy niềm tin



Mục lục

Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	04
Dấu ấn năm 2009	06
Các chỉ tiêu cơ bản 5 năm qua: 2005 - 2009	08
Giới thiệu Ban lãnh đạo Ngân hàng	10
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	12
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	14
Huy động vốn	16
Sử dụng vốn	17
Dịch vụ Ngân hàng	20
Phát triển Sản phẩm Dịch vụ	23
HBBS - Vững bước trên thị trường	24
Sức mạnh Ngân hàng hiện đại	25
Công tác tổ chức nhân sự	26
Hướng về cộng đồng	27
Các dự án triển khai trong năm 2009	28
Công tác Quản trị rủi ro	30
Công tác Quản trị rủi ro	32
Quản lý tài sản nợ có, rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản	33
Quản trị rủi ro tín dụng	33
Quản trị rủi ro hoạt động	34
Kiểm toán nội bộ	34
Pháp chế và Tuân thủ	34
Sơ đồ cơ cấu Quản trị rủi ro	35
Thông tin Cổ đông	37
Thông tin Cổ đông	38
Hướng tới năm 2010	40
Hướng tới năm 2010	42
Các danh hiệu và giải thưởng 2009	44
Báo cáo tài chính năm 2009	46
Thuyết minh báo cáo Tài chính năm 2009	53



Table of Contents

Message To Our Investors	64
2009 Milestones	66
2005 - 2009 Financial Highlights	68
Board Of Directors And Board Of Management	70
Reports by the Board of Management	72
Reports by the Board of Management	74
Liabilities Growth	76
Use Of Funds	77
Banking Services	80
Product and Service Development	83
HBBS - A solid growth over the year	84
Strength of a modern bank	85
Human Resources Management	86
Corporate Citizen Responsibilities	87
2009 Projects	88
Risk Management within the Bank	90
Risk Management within the Bank	92
Assets & Liabilities, Market Risk and Liquidity Risk Management	93
Credit Risk Management	93
Operational Risk Management	94
Internal Audit	94
Legal and Compliance	94
Risk Management Structure	95
Shareholder's Information	96
Shareholder's Information	98
Towards 2010	100
Towards 2010	102
2009 Awards	104
Financial Reports 2009	106
Notes to Financial Statements	113
Details of Selected Balances in the Consolidated Financial Statements	123
List of Correspondent Banks & Branch Network	143
List of Correspondent Banks	144
Branch Network	148



SẴN SÀNG CHO MỘT CHU KỲ PHÁT TRIỂN MỚI CỦA NGÂN HÀNG

Kính thưa Quý vị cổ đông, các nhà đầu tư và Quý khách hàng!

Thay mặt Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (HABUBANK), tôi trân trọng cảm ơn các Quý vị đã gắn bó, tin tưởng và đóng góp cho HABUBANK trong suốt thời gian qua.

Kính thưa Quý vị!

Năm 2009, cuộc khủng hoảng Tài chính - Kinh tế toàn cầu tiếp tục tác động xấu lên nền kinh tế trong nước và quốc tế, Việt Nam cũng phải đối mặt với những khó khăn do thị trường và khối lượng xuất khẩu bị thu hẹp, giá cả bị giảm xuống, thanh toán bị chậm và đình trệ, dòng vốn đầu tư giảm, ... Tuy nhiên, Chính phủ Việt Nam đã có những phản ứng tức thời và nhanh chóng để ngăn chặn suy thoái kinh tế bằng gói kích cầu trị giá hơn 14.000 tỷ đồng cùng các chính sách hỗ trợ vĩ mô, đặc biệt là Nghị quyết 30 của Chính phủ với quyết tâm hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp, người dân thoát khỏi suy thoái.

Trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều diễn biến phức tạp, nắm bắt được những chủ trương của Nhà nước, HABUBANK đã có những nỗ lực vượt bậc nhằm kiểm soát tốt hoạt động kinh doanh, chuẩn bị các điều kiện để phát triển trong thời gian tới. Năm vừa qua, HABUBANK đã đạt được những kết quả khả quan, đạt và vượt các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao cho như: Tổng tài sản toàn Ngân hàng đạt 29.240 tỷ đồng, tăng 5,3 lần so với cuối năm 2005, tổng huy động vốn đạt 25.468 tỷ đồng, tăng trưởng 5,1 lần so với cuối năm 2005, trong đó huy động từ thị trường 1 đạt 15.217 tỷ đồng, tăng 4,9 lần, huy động từ thị trường 2 đạt 10.251 tỷ đồng, tăng 5,53 lần; vốn điều lệ của Ngân hàng tăng 10 lần, từ 300 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế thu được trong năm 2009 đạt xấp xỉ 505 tỷ đồng, tăng 4,9 lần so với năm 2005; kiểm soát tốt tăng trưởng tín dụng và mọi rủi ro; ổn định tổ chức nhân sự. Những con số trên đã ghi nhận sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, sự tin tưởng, ủng hộ của khách hàng, bạn hàng, đối tác và các cổ đông của Ngân hàng.

Bên cạnh các thành tích về hoạt động kinh doanh, trong năm 2009, HABUBANK đã tập trung hoàn thành một số nhiệm vụ chính làm tiền đề cho một chu kỳ phát triển mới của Ngân hàng, cụ thể:

- Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro của Ngân hàng: thành lập Ủy ban quản trị rủi ro với các bộ phận quản trị rủi ro chuyên trách cho các mảng hoạt động chính của Ngân hàng.
- Từng bước tái cấu trúc Ngân hàng theo mảng kinh doanh.
- Tập trung đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ trên cơ sở phát triển sản phẩm mới, hoàn thiện và gia tăng tiện ích các sản phẩm sẵn có của Ngân hàng.
- Mở rộng các kênh bán hàng thông qua việc phát triển mạng lưới, mở thêm các kênh tiếp xúc với khách hàng như Dịch vụ tư vấn tài chính cá nhân, ATM, POS, Trung tâm dịch vụ khách hàng Contact Center...

Bước sang năm 2010, khủng hoảng tài chính thế giới đã được kiểm soát và có dấu hiệu phục hồi, tuy nhiên, dự báo kinh tế thế giới năm 2010 còn nhiều khó khăn và bất ổn. Việc kinh tế thế giới phục hồi là điều kiện thuận lợi cho kinh tế Việt Nam. Dự báo kim ngạch xuất khẩu năm 2010 sẽ cao hơn năm 2009, song do sự phục hồi của nền kinh tế thế giới vẫn còn chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro nên xuất khẩu chưa có mức tăng cao.



Trên cơ sở dự báo và đánh giá về nền kinh tế thế giới và trong nước trong năm 2010, đón đầu sự phục hồi của nền kinh tế, HABUBANK đã chuẩn bị những hạ tầng cần thiết sẵn sàng cho chu kỳ phát triển mới:

- Nâng cao tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh;
- Xây dựng các chính sách phù hợp nhằm ổn định và phát triển Ngân hàng một cách vững chắc;
- Tiếp tục công cuộc tái cấu trúc hệ thống nhằm đạt được sự vận hành tối ưu;
- Niêm yết HABUBANK trên sàn giao dịch tập trung;
- Nâng cao năng lực quản trị điều hành và năng lực vốn thông qua tăng vốn điều lệ;
- Mở rộng mạng lưới trên những địa bàn kinh tế trọng điểm;
- Phát triển Ngân hàng theo định hướng Ngân hàng bán lẻ và tập trung vào mảng khách hàng cá nhân;
- Kiểm soát tốt rủi ro trong công tác kinh doanh.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban điều hành, tôi cam kết sẽ cố gắng nỗ lực vượt bậc tổ chức thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ XIX, làm cho năm 2010 trở thành năm bản lề cho giai đoạn 5 năm tiếp theo 2010 - 2014.

Xin cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ của Quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, bạn hàng và hơn 1.000 cán bộ nhân viên đã nỗ lực không mệt mỏi trong một năm đầy thách thức vừa qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Bảng



Dấu ấn năm 2009

- Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 2.800 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng theo đúng kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đưa ra và đạt mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại theo quy định của NHNN.
- Đẩy mạnh hoạt động huy động vốn, đặc biệt huy động từ thị trường 1 để điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn hoạt động của Ngân hàng theo hướng nâng cao khả năng thanh khoản. Bình quân năm 2009, tổng dư nợ cho vay khách hàng chỉ chiếm 85% - 90% tổng huy động vốn từ thị trường 1. Đây là thành công lớn của HABUBANK trong tình hình thị trường hiện tại.
- Hoàn thành và chính thức đưa vào hoạt động Trung tâm dịch vụ khách hàng (Contact Center), mở ra một kênh tiếp cận sản phẩm dịch vụ mới cho khách hàng của Ngân hàng ngoài thẻ và Internet.
- Mở thêm 10 điểm giao dịch mới trên địa bàn Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh, đưa tổng số điểm giao dịch của Ngân hàng lên 50 điểm trên toàn quốc.
- Cơ bản hoàn thành các dự án chuyển giao kiến thức với Deutsche Bank, cụ thể:
 - Thành lập bộ phận Quản trị rủi ro hoạt động (ORM) chuyên trách; từng bước quy trình hoá các hoạt động của Ngân hàng theo hướng quản trị rủi ro, xây dựng bộ chỉ số hoạt động chính làm cơ sở để lượng hoá các rủi ro; tổ chức việc ghi nhận và thống kê toàn bộ các rủi ro hoạt động của Ngân hàng nhằm đưa ra các giải pháp để quản trị rủi ro hoạt động tốt nhất.
 - Tái cấu trúc lại hoạt động tín dụng của Ngân hàng theo hướng kiểm soát tập trung các khâu thẩm tra, phê duyệt và hành chính tín dụng; hoàn thiện và đưa vào áp dụng hệ thống chấm điểm khách hàng làm căn cứ phê duyệt và phân loại khách hàng.
 - Xây dựng cơ chế điều chuyển vốn nội bộ và quy chế tổ chức hoạt động của Phòng quản trị rủi ro thị trường và thanh khoản.





- Thành lập Ủy ban Quản trị rủi ro nhằm chuyên môn hoá hoạt động quản trị rủi ro trong từng và tất cả mảng hoạt động kinh doanh của toàn Ngân hàng.

- Mở thêm kênh huy động vàng trên toàn hệ thống và sau 06 tháng hoạt động, đã huy động được 80.000 chỉ vàng, tương đương hơn 200 tỷ đồng.



- Hoàn thành việc chuyển trụ sở chính của Ngân hàng từ toà nhà B7 Giảng Võ sang toà nhà 15-17 Ngọc Khánh một cách an toàn.

- Là năm thứ 10 được NHNN xếp loại A. Vinh dự được nhận bằng khen của Thống đốc NHNN về các thành tích đã đạt được.



- Tập trung phát triển sản phẩm mới, hoàn thiện và gia tăng tiện ích cho các sản phẩm sẵn có của Ngân hàng.

- Tích cực tham gia các hoạt động hướng về cộng đồng: Về với những trẻ em nghèo, người già neo đơn, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn trong hành trình “Cùng HABUBANK lo Tết cho người nghèo”; giúp đỡ các gia đình chịu ảnh hưởng nặng nề của cơn bão số 8 & 9 tại Đà Nẵng, Quảng Trị; tham gia hiến máu nhân đạo...



- Vinh dự đón nhận 10 bằng khen, giải thưởng của các tổ chức trong nước và 03 cup, bằng khen của các ngân hàng quốc tế về chất lượng hoạt động, sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng.



Các chỉ tiêu cơ bản 5 năm qua (2005 - 2009)

Đơn vị: Triệu đồng

Cho năm	2009	2008	2007	2006	2005
Thu nhập hoạt động thuần	562.476	590.737	545.678	279.072	117.880
Chi phí dự phòng nợ khó đòi	57.626	110.315	84.923	31.025	14.783
Tỷ lệ nợ quá hạn	2,24%	2,8%	2,49%	0,95%	1,1%
Lợi nhuận trước thuế	504.850	480.422	460.755	248.047	103.097
Lợi nhuận sau thuế	407.547	325.167	365.632	185.193	75.190
Cổ tức	10%	20%	20%	32%	25%
Tại thời điểm cuối năm 31/12	2009	2008	2007	2006	2005
Tổng tài sản	29.240.379	23.606.717	23.518.684	11.685.318	5.524.791
Tổng dư nợ	13.358.406	10.515.947	9.419.378	5.983.267	3.330.218
Tổng tài sản nợ, trong đó:	25.988.480	20.613.956	20.339.339	9.928.937	5.133.327
Tổng huy động	25.470.815	19.961.017	19.970.336	9.735.102	4.949.003
Vốn điều lệ	3.000.000	2.800.000	2.000.000	1.000.000	300.000
Tổng vốn cổ đông	3.251.899	2.992.761	3.179.345	1.756.381	391.464





Giới thiệu Ban lãnh đạo Ngân hàng



1. Ông NGUYỄN VĂN BẢNG - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Sinh ngày: 14 tháng 8 năm 1950
Bằng cấp chuyên môn: Cử nhân - Học viện Quân sự, Hà Nội, Việt Nam
Kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng: 16 năm từ năm 1995

2. Bà BÙI THỊ MAI - Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 08 tháng 01 năm 1962
Bằng cấp chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế
Cử nhân tài chính kế toán - Đại học Tài chính Kế toán, Hà Nội, Việt Nam
Kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng: 16 năm từ năm 1995

3. Ông NGUYỄN TUẤN MINH - Ủy viên Hội đồng Quản trị - Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 09 tháng 10 năm 1967
Bằng cấp chuyên môn: Cử nhân Quan hệ Quốc tế, Học viện Quan hệ Quốc tế, Hà Nội, Việt Nam
Cử nhân Luật, Đại học Luật, Hà Nội, Việt Nam
Kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng: 16 năm từ năm 1995

4. Ông ĐỖ TRỌNG THẮNG - Ủy viên Hội đồng Quản trị - Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 14 tháng 3 năm 1960
Bằng cấp chuyên môn: Cử nhân Quản lý Kinh tế, Hà Nội, Việt Nam
Kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng: 9 năm từ năm 2002

5. Bà DƯƠNG THU HÀ - Ủy viên Hội đồng Quản trị

Sinh ngày: 08 tháng 12 năm 1974
Bằng cấp chuyên môn: Cử nhân Thương mại, Luật - Đại học Melbourne, Australia
Kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng: 10 năm từ năm 2001

6. Ông JOSEPH PAUL LONGO - Ủy viên Hội đồng Quản trị

Sinh ngày: 18 tháng 9 năm 1959
Bằng cấp chuyên môn: Thạc sỹ Luật Đại học Yale
Cử nhân Luật, Triết học
Kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng: 9 năm từ năm 2002



7. Bà LÊ THU HƯƠNG - Phó Tổng Giám đốc phụ trách phát triển kinh doanh khu vực phía Nam
Sinh ngày: 06 tháng 9 năm 1971
Bằng cấp chuyên môn: Thạc sỹ, Học viện Ngoại giao, Moscow, Nga
Cử nhân Quản trị Kinh doanh Công nghiệp và XDCB, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, Việt Nam
Kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng: 9 năm từ năm 2002

8. Bà NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY - Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng Nguồn vốn - Ngoại hối
Sinh ngày: 09 tháng 7 năm 1973
Bằng cấp chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng, Paris Dauphin EFCP European School (CFVG)
Cử nhân Tài chính Kế toán, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, Việt Nam
Kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng: 16 năm từ năm 1995

9. Bà NGUYỄN DỰ HƯƠNG - Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng Dịch vụ Ngân hàng Cá nhân
Sinh ngày: 21 tháng 7 năm 1963
Bằng cấp chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh Công nghiệp và XDCB,
Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, Việt Nam
Cử nhân Ngoại ngữ, Đại học Sư phạm Ngoại Ngữ Hà Nội
Kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng: 16 năm từ năm 1995

10. Bà NGUYỄN THỊ KIM OANH - Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính và cung ứng dịch vụ
Sinh ngày: 18 tháng 3 năm 1963
Bằng cấp chuyên môn: Cử nhân, Học viện Ngân hàng, Hà Nội, Việt Nam
Kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng: 21 năm từ năm 1989

11. Bà TRẦN THỊ LAN HƯƠNG - Trưởng Ban kiểm soát
Sinh ngày: 01 tháng 5 năm 1973
Bằng cấp chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, Việt Nam
Kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng: 11 năm từ năm 2000

12. Bà TRẦN THỊ HÀ GIANG - Thành viên Ban kiểm soát
Sinh ngày: 16 tháng 11 năm 1977
Bằng cấp chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán, Đại học Dân lập Đông Đô
Kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng: 12 năm từ năm 1999

13. Ông ĐINH ĐỨC TUẤN - Thành viên Ban kiểm soát
Sinh ngày: 14 tháng 01 năm 1972
Bằng cấp chuyên môn: Cử nhân Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Ngoại thương Hà Nội
Kỹ sư, Đại học Mỏ Địa chất
Kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng: 1 năm từ năm 2009



HABUBANK

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Biểu đồ

7,91%
09%

Cho vay trung
Cho



Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Năm 2009, HABUBANK đã hoàn thành với chất lượng cao 3 nhiệm vụ lớn do Đại hội đồng cổ đông giao cho, khép lại một chu kỳ 5 năm phát triển mạnh mẽ của Ngân hàng và chuẩn bị sẵn sàng cho một chu kỳ phát triển mới cùng với sự phục hồi của nền kinh tế đất nước. Cụ thể:

Nhiệm vụ số 1: Kiểm soát hoạt động kinh doanh Ngân hàng an toàn và hiệu quả, hoàn thiện hạ tầng quản lý rủi ro tài chính theo chuẩn mực quốc tế tốt nhất; đảm bảo Ngân hàng vượt qua thách thức và khó khăn trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế trong nước và thế giới hiện nay.

Nhiệm vụ này hoàn toàn phù hợp với các chính sách ngành ngân hàng năm 2009 là tiếp tục hướng tới quản lý khủng hoảng và hậu khủng hoảng, trong đó nhấn mạnh: (i) bớt thắt chặt tạm thời nguồn cung tiền tệ, theo đó các lãi suất cơ bản, tái cấp vốn, tái chiết khấu đều giảm, tỷ lệ dự trữ bắt buộc được điều chỉnh giảm, hoạt động tích cực nghiệp vụ thị trường mở; (ii) điều hành linh hoạt tỷ giá phù hợp với thị trường, phù hợp với mục tiêu chính sách tiền tệ nhằm đẩy mạnh xuất khẩu, hạn chế nhập siêu, ổn định thị trường ngoại hối, theo đó trong khi tăng nguồn cung ngoại tệ, đầu năm tăng biên độ ấn định tỷ giá và cuối năm giảm biên độ ấn định tỷ giá, tránh mất giá quá lớn đồng Việt Nam; (iii) áp dụng cùng lúc nhiều chính sách tín dụng, một phần thông qua hỗ trợ lãi suất để tăng trưởng tín dụng, mặt khác đưa ra các yêu cầu đảm bảo tăng trưởng an toàn tín dụng, tránh tăng trưởng nóng; và (iv) thực hiện hiệu quả nhiều biện pháp đảm bảo an toàn hệ thống thông qua tăng cường giám sát và rà soát rủi ro thanh khoản, nâng cao năng lực tài chính cho hệ thống.

Một trong những thành công lớn nhất của HABUBANK trong năm là việc hoàn thiện và đưa vào ứng dụng các công cụ quản lý rủi ro thanh khoản, quản lý tài sản nợ và có cũng như quản lý vốn chủ sở hữu, ứng dụng các tiêu chuẩn quốc tế tốt và cập nhật nhất mà quá trình triển khai là vô cùng phức tạp do phải liên tục cập nhật với thay đổi chính sách ngành và nhu cầu tổ chức lại dữ liệu toàn Ngân hàng, đảm bảo phục vụ tốt nhất cho các yêu cầu quản lý mới.

Năm 2009, HABUBANK tiếp tục duy trì các chính sách đảm bảo thanh khoản theo quan điểm thận trọng, căn cứ trên đánh giá về tình hình phát triển kinh tế Việt Nam, tình hình phát triển kinh tế khu vực và toàn cầu có nhiều biến động với các chính sách tài chính tiền tệ có nhiều thay đổi. Theo đó, các tỷ lệ an toàn đều cao hơn so với yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng như tiêu chuẩn quốc tế.

Việc tiếp tục đảm bảo năng lực tài chính là một trong các yếu tố cơ bản phục vụ cho mục tiêu mở rộng phát triển HABUBANK, cũng như đảm bảo uy tín tài chính vững chắc của HABUBANK. Ngân hàng đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 2.800 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ 18 cũng cho phép HĐQT HABUBANK lựa chọn thời điểm phù hợp niêm yết cổ phiếu HABUBANK trong giai đoạn 2009 - 2011, sao cho đảm bảo cân bằng mọi lợi ích cổ đông cũng như phát triển bền vững Ngân hàng. Ban trụ bị niêm yết thuộc HĐQT đang chuẩn bị các phương án, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục và điều kiện để sớm niêm yết cổ phiếu HABUBANK trong năm 2010 nhằm mở rộng khả năng tiếp nhận nguồn lực tài chính mới cho HABUBANK, đồng thời tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu của cổ đông hiện hữu.

Quan điểm cân bằng rủi ro với lợi nhuận tiếp tục mang lại hiệu quả cao nhưng bền vững cho hoạt động kinh doanh Ngân hàng năm 2009. Trong năm, Ngân hàng đã đạt lợi nhuận trước thuế 504,85 tỷ đồng.

Có thể kết luận rằng, HABUBANK đã vượt qua các rủi ro khủng hoảng một cách tương đối thuận lợi hơn nhiều tổ chức tín dụng khác bằng chính các quan điểm phát triển ngân hàng thận trọng đi đôi với tận dụng cơ hội kinh doanh một cách phù hợp.

Nhiệm vụ số 2: Tiếp tục nắm bắt các cơ hội và tận dụng thời cơ có thể để thực hiện đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng mạng lưới hoạt động nhanh chóng nhưng phải đảm bảo an toàn để nâng cao hơn nữa khả năng cạnh tranh và phát triển của HABUBANK.

Việc mở rộng đa dạng kênh phân phối và cung ứng dịch vụ đảm bảo tuân theo nguyên tắc cẩn trọng và hiệu quả thể hiện rõ qua kết quả năm 2009 khi HABUBANK đã: (i) mở thêm 10 chi nhánh và điểm giao dịch tại các trung tâm kinh tế (Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng), nâng tổng số điểm giao dịch trên toàn quốc đạt 50 điểm, tất cả đều đạt hiệu quả hoạt động cao, an ninh tốt. Mức độ gia tăng mạng lưới hoàn thành 100% kế hoạch và thể hiện rõ quan điểm thận trọng và hiệu quả của HABUBANK; và (ii) sau gần 8 tháng triển khai, tháng 12/2009, Trung tâm dịch vụ khách hàng (Contact Center) của HABUBANK đã chính thức khai trương đi vào hoạt động với mục tiêu là kênh cung ứng dịch vụ trực tiếp hiệu quả ngoài các kênh tự động khác như ATM, mobile và Internet banking. Contact Center cũng là kênh trung tâm đáp ứng nhu cầu thông tin dịch vụ sản phẩm của HABUBANK và liên kết với HABUBANK.

Bên cạnh các chương trình chăm sóc khách hàng thường xuyên được triển khai tích cực để duy trì sự gắn bó, trung thành của khách hàng HABUBANK, việc liên tục phát triển và thay đổi sản phẩm phù hợp với nhu cầu khách hàng và cơ hội thị trường luôn là nhiệm vụ trọng tâm của Ngân hàng. Trong năm 2009 với mục tiêu đang dạng hóa sản phẩm và đáp ứng nhu cầu của khách hàng ngày càng cao, HABUBANK đã triển khai và bổ sung các sản phẩm dịch vụ mới như: sản phẩm thấu chi tài khoản cá nhân, thấu chi doanh nghiệp... và hoàn thiện lại các sản phẩm nhằm gia tăng tiện ích, thỏa mãn nhu cầu của khách hàng như: sản phẩm An tín tiêu dùng, sản phẩm thu hộ tiền mặt, sản phẩm tiết kiệm 3G, sản phẩm hợp tác với bảo hiểm...

Năng lực cạnh tranh của HABUBANK đã được công nhận và HABUBANK tiếp tục là một ngân hàng dẫn đầu với nhiều bằng khen, giải thưởng bình chọn của ngành và khách hàng.

Nhiệm vụ số 3: Liên tục và linh hoạt bổ sung các công cụ kinh doanh cho ngân hàng thương mại, có thể hỗ trợ hạn chế rủi ro pháp lý tài chính.

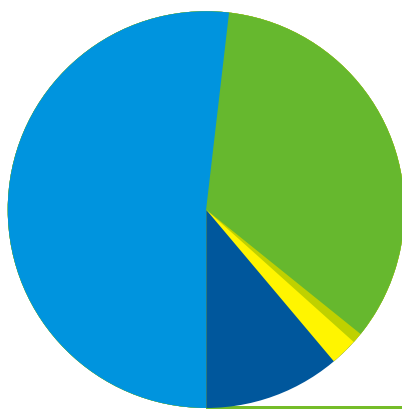
Năm 2009, Công ty chứng khoán HBBS (là một công cụ thực hiện một số nghiệp vụ ngân hàng đầu tư) đã hoạt động có kết quả tốt, đóng góp vào lợi nhuận chung của toàn khối HABUBANK. Đây cũng là công cụ hỗ trợ tích cực HABUBANK hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kinh doanh năm 2009.



Huy động vốn

Năm 2009 tiếp tục là một năm khó khăn trong công tác huy động vốn của các ngân hàng. Gói kích thích kinh tế của Chính phủ đã dẫn tới mức độ tăng trưởng tín dụng toàn ngành cao hơn dự kiến ban đầu, góp phần tăng trưởng kinh tế Việt Nam, song cũng gây áp lực lên lãi suất huy động của các ngân hàng thương mại. Để hạn chế tác động này, Ngân hàng Nhà nước đã điều hành chính sách tiền tệ khá linh hoạt như điều tiết cung tiền thông qua các kênh như thị trường mở, tái cấp vốn, đẩy mạnh các giao dịch hoán đổi tiền tệ (Swap)...

Nhằm đáp ứng đủ vốn kinh doanh và đảm bảo an toàn thanh khoản, năm 2009 HABUBANK đã chú trọng hơn đến công tác huy động vốn từ thị trường 1 là dân cư và các tổ chức kinh tế. Bên cạnh việc mở rộng mạng lưới, Ngân hàng áp dụng một mức lãi suất linh hoạt, cạnh tranh cùng với các chương trình chăm sóc khách hàng thường xuyên (Cảm ơn đầu chỉ dùng lời) và các chương trình khuyến mại để thu hút tối đa nguồn vốn huy động từ dân cư. Tổng huy động toàn HABUBANK năm 2009 đạt 25.468 tỷ đồng, vượt 20% kế hoạch, tăng 27,59% so với năm 2008. Trong đó, huy động từ thị trường I đạt 15.217 tỷ đồng, tăng 37,31%, huy động từ thị trường II đạt 10.251 tỷ đồng, tăng 15,46%. Nguồn vốn huy động của HABUBANK đã đáp ứng được đầy đủ và chủ động cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

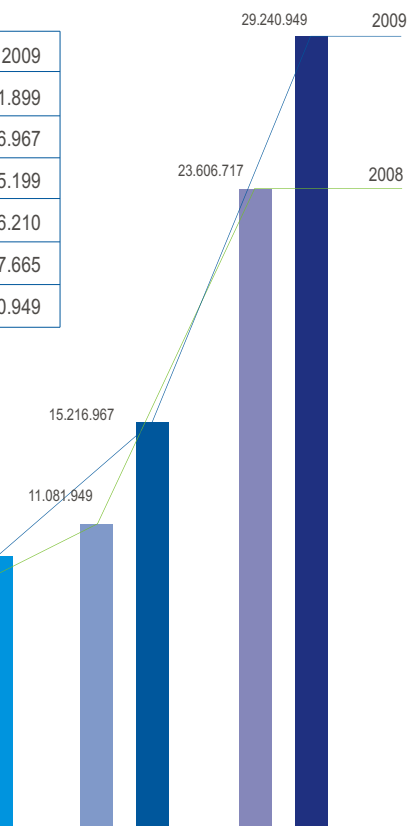


- 11,12% ■ Vốn chủ sở hữu
- 52,05% ■ Tiền gửi khách hàng
- 34,25% ■ Huy động LNH
- 0,81% ■ Các nguồn vốn khác
- 1,77% ■ Các khoản phải trả

Biểu đồ Cơ cấu Nguồn vốn năm 2009

Đơn vị: Triệu đồng

	2005	2006	2007	2008	2009
Vốn chủ sở hữu	391.464	1.756.381	3.179.345	2.992.761	3.251.899
Tiền gửi khách hàng	3.096.275	4.616.095	8.759.403	11.081.949	15.216.967
Huy động LNH	1.806.110	5.051.270	11.112.969	8.324.362	10.015.199
Các nguồn vốn khác	46.618	67.736	97.964	554.706	236.210
Các khoản phải trả	184.324	193.835	369.004	652.939	517.665
TỔNG CỘNG	5.524.791	11.685.318	23.518.684	23.606.717	29.240.949



- 2009 ■ 2008 ■ Tổng
- Tiền gửi khách hàng
- Huy động LNH
- Vốn chủ sở hữu
- Các khoản phải trả
- Các nguồn vốn khác

Biểu đồ tăng trưởng Nguồn vốn năm 2008 và 2009

Đơn vị: Triệu đồng



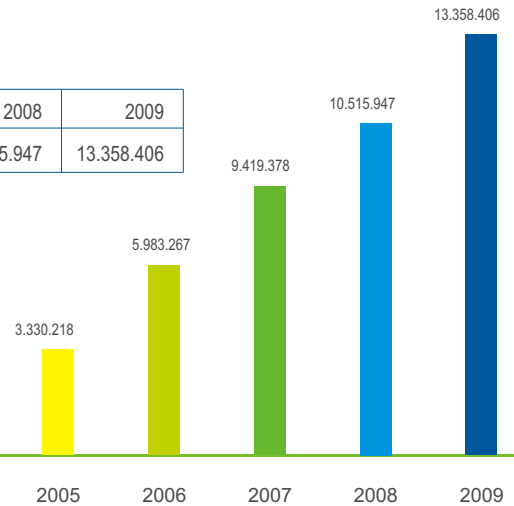
Sử dụng vốn

Cho vay khách hàng:

Trong năm 2009, mặc dù đã có những dấu hiệu phục hồi của nền kinh tế, song HABUBANK vẫn tiếp tục chủ trương phát triển tín dụng một cách thận trọng, đảm bảo theo đúng chiến lược phát triển bền vững. HABUBANK tiến hành rà soát lại toàn bộ các khách hàng hiện tại của Ngân hàng, phân loại theo mức độ an toàn và tiến hành cơ cấu lại danh mục khách hàng, lựa chọn các khách hàng tốt, các dự án khả thi để cho vay ra. Trong năm, Ngân hàng đã giải ngân 107.931 tỷ đồng, thu nợ 105.120 tỷ đồng. Đến cuối năm 2009, tổng dư nợ của HABUBANK đạt 13.358 tỷ đồng, tăng trưởng 27% so với năm 2008.

Đơn vị: Triệu đồng

	2005	2006	2007	2008	2009
Cho vay khách hàng	3.330.218	5.983.267	9.419.378	10.515.947	13.358.406



Biểu đồ tăng trưởng tín dụng qua 5 năm

Đơn vị: Triệu đồng

Ngân hàng cũng nghiêm túc thực hiện chủ trương hỗ trợ phát triển kinh tế của Chính phủ, lựa chọn các dự án tốt, thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ lãi suất của Chính phủ cho vay ra, nhằm giúp các doanh nghiệp vượt qua khó khăn, duy trì và phát triển sản xuất, tạo công ăn việc làm cho người lao động.

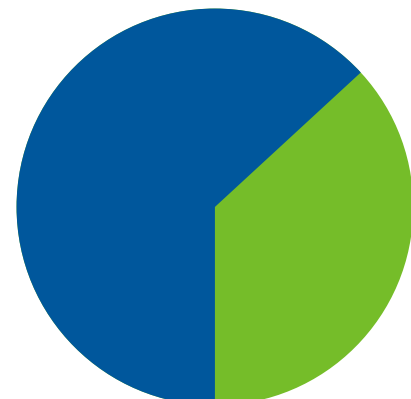
Chất lượng tín dụng cũng được HABUBANK đặc biệt quan tâm trong năm 2009. Ngân hàng thực hiện chính sách kiểm soát tín dụng tập trung, từ khâu thẩm tra, phê duyệt, tới giải ngân; áp dụng hệ thống chấm điểm khách hàng để chuẩn hoá việc kiểm soát rủi ro và phân loại khách hàng; tăng cường việc giám sát khách hàng trong và sau khi cho vay để nắm vững tình hình hình khách hàng, thu hồi các khoản nợ đến hạn. Với các biện pháp tăng cường kiểm soát chặt chẽ, HABUBANK đã giữ được tỷ lệ nợ quá hạn của Ngân hàng trong năm 2009 là 2,24%, thấp hơn năm 2008 và dưới mức Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Thực hiện chủ trương ưu tiên đảm bảo công tác thanh khoản, trong năm 2009, HABUBANK cũng đã hoàn thành việc cơ cấu lại kỳ hạn của danh mục cho vay, theo đó đến thời điểm cuối năm, tỷ trọng cho vay trung dài hạn của ngân hàng giảm xuống còn 36,7%, giảm 10% so với cuối năm 2008.

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2009		2008	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Tổng dư nợ cho vay	13.358.406	100%	10.515.947	100%
Cho vay ngắn hạn	8.456.248	63,3%	5.477.074	52,08%
Cho vay trung, dài hạn	4.902.158	36,7%	5.038.873	47,92%

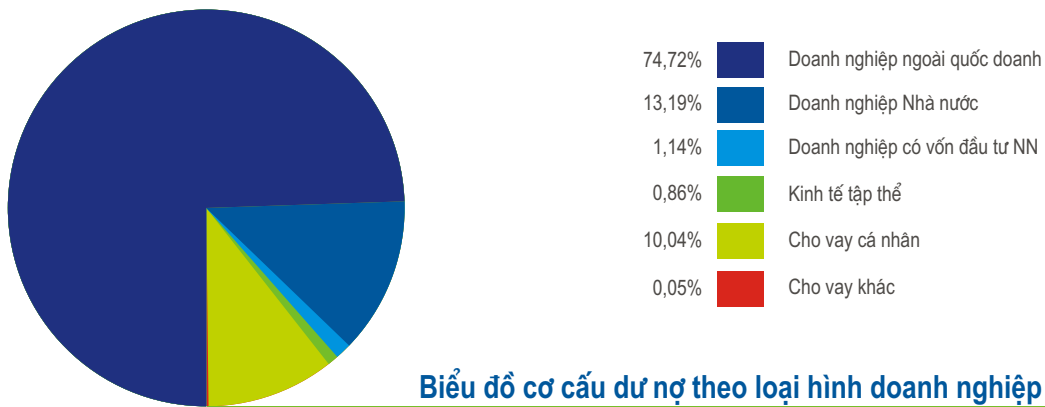
- 63,3% ■ Cho vay ngắn hạn
- 36,7% ■ Cho vay trung, dài hạn



Biểu đồ cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn năm 2009

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2009		2008	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	9.981.746	74,72%	7.753.630	73,73%
Doanh nghiệp Nhà nước	1.762.222	13,19%	1.713.781	16,3%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư NN	151.843	1,14%	-	0%
Kinh tế tập thể	114.838	0,86%	59.482	0,56%
Cho vay cá nhân	1.340.665	10,04%	981.986	9,34%
Cho vay khác	7.092	0,05%	7.068	0,07%



Biểu đồ cơ cấu dư nợ theo loại hình doanh nghiệp năm 2009

Hoạt động trên thị trường liên ngân hàng

Với các bất ổn trên thị trường tài chính tiền tệ, vào giai đoạn cuối năm 2008 và 2009, có những thời điểm thanh khoản toàn thị trường bị ảnh hưởng do một số định chế tài chính gặp khó khăn trong thanh toán. Để đảm bảo an toàn cho hoạt động của Ngân hàng, trong năm 2009, HABUBANK đã từng bước chuẩn hoá các hoạt động trên thị trường tiền tệ, xây dựng các quy trình quản trị rủi ro đối với các giao dịch trên thị trường liên ngân hàng, định kỳ thực hiện việc chấm điểm làm cơ sở cấp hạn mức tín dụng cho từng đối tác giao dịch.

Doanh số giao dịch liên ngân hàng trong năm 2009 đạt trên 248 ngàn tỷ đồng, đóng góp một cách hiệu quả vào lợi nhuận của Ngân hàng.

Hoạt động đầu tư

Do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu và các diễn biến phức tạp của thị trường kinh tế trong nước, hoạt động đầu tư của HABUBANK trong năm 2009 được giới hạn chủ yếu trong các hạng mục đầu tư ngắn hạn, có tỷ suất lợi nhuận cao, an toàn và có tính thanh khoản cao như trái phiếu chính phủ, trái phiếu đô thị... để mang lại lợi nhuận cho Ngân hàng. Các khoản đầu tư dài hạn, góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp được rà soát một cách cẩn trọng. Tính đến thời điểm 31/12/2009, tổng đầu tư của Ngân hàng đạt 5.461 tỷ đồng, tăng 42,4% so với 2008, trong đó số dư chứng khoán đầu tư tăng xấp xỉ 50% và đầu tư góp vốn mua cổ phần giảm 40%. Cụ thể :

Đơn vị: Triệu đồng

	2009	2008
Chứng khoán kinh doanh	899.409	23.103
Chứng khoán đầu tư:	5.268.166	3.532.726
<i>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</i>	<i>3.481.911</i>	<i>3.415.650</i>
<i>Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>1.800.774</i>	<i>117.076</i>
<i>Dự phòng giảm giá chứng khoán</i>	<i>(14.519)</i>	
Góp vốn, đầu tư dài hạn	180.625	302.337
TỔNG DOANH SỐ ĐẦU TƯ	6.348.200	3.858.166

	2009	2008
Lãi/lỗ thuần từ mua bán CK kinh doanh	15.159	(58.874)
Lãi/lỗ thuần từ mua bán CK đầu tư	51.299	1.676
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	9.190	10.949
Tổng thu nhập từ hoạt động đầu tư	75.649	(46.249)

Thu nhập của Ngân hàng từ hoạt động đầu tư trong năm 2009 đạt hơn 75 tỷ đồng, chiếm hơn 8,4% tổng thu nhập hoạt động.

Kinh doanh ngoại tệ

Năm 2009, tình hình kinh tế toàn cầu chưa qua khỏi khủng hoảng, kinh tế trong nước cũng bị ảnh hưởng. Xuất khẩu giảm mạnh, nguồn vốn FDI và kiều hối giảm, nhập siêu tăng, tâm lý nắm giữ ngoại tệ của doanh nghiệp và người dân ảnh hưởng đến tỷ giá và nguồn cung ngoại tệ trên thị trường. Để bình ổn thị trường ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành các chính sách quản lý ngoại hối nhằm kiểm soát chặt chẽ hơn các giao dịch ngoại tệ của các ngân hàng và trên thị trường, giảm lãi suất tiền gửi USD của doanh nghiệp, từng bước giảm dần chênh lệch giữa tỷ giá theo quy định của NHNN và tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do...

Trong năm, HABUBANK luôn đảm bảo đủ ngoại tệ cung cấp cho khách hàng thanh toán quốc tế của Ngân hàng, đồng thời, do phân tích và nhận định đúng về thị trường, HABUBANK đã thu được 32,2 tỷ đồng lợi nhuận từ kinh doanh ngoại hối, tăng 4,2 lần so với 2008.



Dịch vụ ngân hàng

■ Dịch vụ Bảo lãnh

Năm 2009, thu nhập từ dịch vụ bảo lãnh tại HABUBANK đạt 20,19 tỷ đồng, bằng 107% so với năm 2008 và chiếm 16,5% tổng thu nhập từ hoạt động dịch vụ của Ngân hàng trong năm.

■ Dịch vụ Chuyển tiền

HABUBANK đã thành lập Phòng Chuyển tiền - tách từ Phòng Thanh toán quốc tế và Phòng Tài chính Kế toán để trở thành một phòng hoạt động độc lập. Phòng Chuyển tiền có trách nhiệm kiểm soát toàn bộ luồng tiền ra vào Ngân hàng hàng ngày, phục vụ nhu cầu chuyển tiền của khách hàng một cách kịp thời, chính xác và chuyên nghiệp trong nội địa và ra quốc tế. Đối với chuyển tiền quốc tế, chất lượng điện chuẩn STP luôn đạt xấp xỉ 100%, giảm bớt chi phí trong giao dịch cho khách hàng. Đây cũng là yếu tố làm nên thành công của hoạt động thanh toán quốc tế và mang lại cho HABUBANK rất nhiều bằng khen cho danh hiệu Ngân hàng Thanh toán quốc tế xuất sắc.

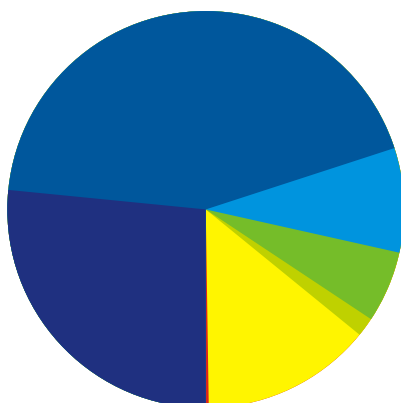
Đối với hoạt động chuyển tiền trong nước, HABUBANK đã vận dụng linh hoạt, hợp lý các hệ thống thanh toán nên đã giảm thiểu chi phí đồng thời tiết kiệm thời gian cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ. Hệ thống của HABUBANK cũng xử lý báo có nhanh chóng trong tài khoản và được khách hàng tin tưởng sử dụng.

Trong năm 2009, tổng doanh số giao dịch tiền tệ qua hệ thống HABUBANK là 144.572 tỷ đồng, tương đương 547,6 tỷ đồng/ngày.

■ Dịch vụ Thanh toán quốc tế

Doanh số thanh toán quốc tế trong năm 2009 đạt 395 triệu USD, giảm 30% so với 2008 và chỉ đạt 60,7% kế hoạch. Việc giảm này là không thể tránh khỏi do tác động của khủng hoảng khi xuất khẩu chưa được khôi phục, cả nước giảm hơn 12 tỷ đô la Mỹ doanh số kim ngạch xuất khẩu (tương đương 9,7%), và giảm 14,7% kim ngạch nhập khẩu khi doanh nghiệp trong nước cũng như tổng cầu còn chưa hồi phục năng lực sản xuất, tiêu dùng và đầu tư của mình. Trong năm 2010, mảng kinh doanh này sẽ còn tiếp tục chịu ảnh hưởng ngoài sự kiểm soát của các ngân hàng, đặc biệt khi có rất nhiều rào cản và những quy định mới của các thị trường. Trước khó khăn đó, HABUBANK vẫn cố gắng giữ ổn định chất lượng điện thanh toán, duy trì sự tin tưởng của các ngân hàng đại lý khi thực hiện giao dịch tại Ngân hàng.

20



27,65%	■	Chuyển tiền đi
42,91%	■	L/C nhập khẩu
7,68%	■	L/C xuất khẩu
5,66%	■	Nhờ thu NK
1,15%	■	Nhờ thu XK
14,73%	■	Chuyển tiền về qua Swift
0,22%	■	Bảo lãnh nước ngoài

Biểu đồ Thanh toán quốc tế



■ Dịch vụ Ngân quỹ

Với các biến động trên thị trường tiền tệ, năm 2009 là một năm bận rộn của hoạt động ngân quỹ tại Ngân hàng. Tổng doanh số tiền mặt qua hệ thống HABUBANK trong năm 2009 tương đương 257.000 tỷ đồng, tương đương 233,6 tỷ đồng/nhân viên.

Đội ngũ chuyên viên ngân quỹ của Ngân hàng được đào tạo chuyên nghiệp, có đạo đức nghề nghiệp đã đảm bảo an toàn, chính xác hoạt động ngân quỹ, đáp ứng được các yêu cầu thanh toán của các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp trên toàn hệ thống. Các nhân viên làm việc tại quỹ trên toàn hệ thống đã trả lại cho khách hàng gần 5 tỷ đồng bỏ quên và được khách hàng và Ngân hàng khen ngợi.

■ Dịch vụ Ngân hàng tự động

Hệ thống thẻ của HABUBANK hiện kết nối với hệ thống chuyển mạch của Banknet và VNBC, cho phép khách hàng của Ngân hàng giao dịch trên hơn 6.000 máy ATM trên toàn quốc. Khách hàng sử dụng thẻ của Ngân hàng còn được khuyến khích thưởng điểm theo chương trình chăm sóc khách hàng thường xuyên của Ngân hàng. Tính đến cuối năm 2009, tổng số thẻ của Ngân hàng đã phát hành là hơn 100.000 thẻ và đóng góp hàng trăm tỷ đồng cho tiền gửi của Ngân hàng.

Kết thúc năm 2009, HABUBANK đã hoàn thành việc lựa chọn phần mềm quản lý ATM, POS và phát hành thẻ mới là giải pháp IST Switch và CMS GUI của Fidelity, công ty hàng đầu thế giới chuyên cung cấp các giải pháp về thẻ. Dự án sẽ triển khai vào quý I và chính thức hoạt động vào cuối Quý II/2010. Giải pháp mới đi vào hoạt động sẽ cho phép HABUBANK phát triển mạnh hệ thống ATM, POS, mở rộng kết nối với các hệ thống quốc tế, phát hành thẻ nội địa và quốc tế, tăng thêm tiện ích cho khách hàng của Ngân hàng.

■ Dịch vụ Tư vấn tài chính cá nhân

Sau 1 năm triển khai dịch vụ, HABUBANK đã cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng lựa chọn tương ứng với những dự định khác nhau từ cưới hỏi, mua nhà, mua xe, quỹ cho con đến quỹ cho tuổi về hưu... Ngoài lãi suất hấp dẫn, cơ cấu sản phẩm hợp lý, phù hợp với nhu cầu, khách hàng còn có thể lựa chọn cho mình những hình thức bảo hiểm phù hợp cho những giải pháp mình lựa chọn. Năm 2009, HABUBANK cũng giới thiệu thêm tới khách hàng sản phẩm Bảo vệ thu nhập gia đình nhằm bảo hiểm cho người trụ cột trong gia đình để chắc chắn rằng nếu rủi ro có xảy ra thì các kế hoạch tài chính của gia đình vẫn được thực hiện.

Với những giải pháp đơn giản nhưng hiệu quả, dịch vụ Tư vấn tài chính cá nhân của HABUBANK đã nhận được nhiều giải thưởng có giá trị: được khách hàng bình chọn vào top 200 sản phẩm trong chương trình Tin và dùng do Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức, Siêu Cup Sản phẩm Việt Hợp chuẩn WTO...

HABUBANK cũng đã thu hút được hơn 10.000 khách hàng quan tâm và sử dụng dịch vụ sau hơn 1 năm triển khai bởi đã đáp ứng được nhu cầu đa dạng của các khách hàng. Dịch vụ này cũng mang lại nguồn thu đáng kể cho Ngân hàng và đóng góp vào tổng huy động của toàn hệ thống. Năm 2009 tổng huy động từ dịch vụ này là hơn 115 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch được giao.



Phát triển sản phẩm dịch vụ



Trong năm 2009, HABUBANK không ngừng tạo thêm các giá trị nhằm phát triển khách hàng mới đồng thời duy trì nguồn khách hàng vốn có bằng cách hoàn thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

Bộ phận Nghiên cứu thị trường và phát triển sản phẩm của HABUBANK đã liên tục tiến hành các điều tra, nghiên cứu để hoàn thiện sản phẩm về quy trình, gia tăng tiện ích để thu hút khách hàng. HABUBANK đã điều chỉnh lại sản phẩm An tín tiêu dùng, Thấu chí tài khoản cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Trong năm, Ngân hàng cũng triển khai sản phẩm huy động và cho vay vàng, giới thiệu tới khách hàng sản phẩm bảo hiểm cho người trụ cột trong gia đình, nghiên cứu và xây dựng các sản phẩm đầu tư để phục vụ cho các khách hàng có tiền tích lũy và mong muốn sinh lời cao.

Phát triển sản phẩm là công tác không thể tách rời đối với hoạt động của một ngân hàng. Tuy nhiên, việc phát triển sản phẩm phải dựa trên những nghiên cứu về nhu cầu của khách hàng cũng như tình hình hoạt động của Ngân hàng. HABUBANK đã luôn thực hiện song hành hai yếu tố trên để đảm bảo chất lượng cho các sản phẩm mà Ngân hàng ban hành.





HABUBANK Securities - Vững bước trên thị trường

Năm 2009 tiếp tục chứng kiến những khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung cũng như nền kinh tế Việt Nam nói riêng do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008. Thị trường chứng khoán Việt Nam không nằm ngoài guồng quay chung của toàn nền kinh tế, các chỉ số chính VN INDEX và HASTC INDEX liên tục phá đáy và biến động vượt ngoài khả năng dự báo của các chuyên gia phân tích. Tâm lý rất dễ dao động của nhà đầu tư cộng với quá nhiều tin đồn thất thiệt đồn dập càng góp phần khiến cho thị trường chứng khoán nước ta tăng giảm bất ngờ, không theo quy luật.

Đối mặt với nhiều khó khăn, song Công ty chứng khoán Ngân hàng thương mại cổ phần Nhà Hà Nội (HBBS) vẫn đạt được nhiều thành công quan trọng, khẳng định thương hiệu trên thị trường. Với mức vốn điều lệ còn khá khiêm tốn (150 tỷ đồng), trong năm 2009 vừa qua, HBBS đạt mức doanh thu và lợi nhuận hết sức ấn tượng. Tổng doanh thu đạt gần 170 tỷ đồng, lợi nhuận trước và sau thuế lần lượt là 142 tỷ đồng và 133 tỷ đồng. Đặc biệt, hai mảng nghiệp vụ chính là Môi giới chứng khoán và Tư vấn tài chính doanh nghiệp đều vượt xa chỉ tiêu đề ra, đóng góp chủ yếu trong cơ cấu doanh thu lợi nhuận của HBBS trong năm vừa qua.

Những mốc son nổi bật trong năm 2009 của HBBS phải kể đến việc vinh dự nhận 2 giải thưởng quan trọng: “Thương hiệu chứng khoán uy tín 2009” do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam (VASB), Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC), Trung tâm thông tin tín dụng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trao tặng và giải thưởng “Công ty chứng khoán tiêu biểu” do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và báo Đầu tư trao tặng.

Góp phần to lớn làm nên những giải thưởng của HBBS trong năm 2009 phải kể đến thành công của những thương vụ lớn trên thị trường trái phiếu Việt Nam. Trước những diễn biến phức tạp của thị trường trái phiếu cùng sự giảm sâu của thị trường cổ phiếu, HBBS liên tục gây bất ngờ lớn với những đợt tư vấn phát hành thành công 1.000 tỷ đồng trái phiếu cho Tổng công ty thép Việt Nam (VNSTEEL) và 1.000 tỷ đồng trái phiếu HABUBANK.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc đổi mới nhằm duy trì lượng khách hàng trung thành và thu hút khách hàng mới trước sự cạnh tranh khốc liệt của những công ty chứng khoán lớn cùng hàng loạt công ty chứng khoán mới thành lập nhưng được đầu tư khá bài bản và có tiềm lực tài chính mạnh, Ban lãnh đạo Ngân hàng mẹ HABUBANK và HBBS đã đưa ra những quyết định quan trọng, tiếp tục đầu tư vào công nghệ và nhân sự nhằm đưa HBBS trong thời gian tới trở thành tổ chức tài chính uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam.



Sức mạnh ngân hàng hiện đại



Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, Việt Nam hiện đang phát triển nhanh về giao dịch điện tử trong lĩnh vực ngân hàng nhưng việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong lĩnh vực này còn thấp so với nhiều quốc gia trong khu vực. Trong khi đó, đây là yếu tố hết sức quan trọng giúp hoàn thiện tính năng sản phẩm - dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, tăng cường sức cạnh tranh trong bối cảnh miếng bánh thị phần ngày càng bị chia nhỏ bởi các tổ chức tài chính trong và ngoài nước. Có thể nói, CNTT là một trong những yếu tố nòng cốt quyết định sự thành bại, tồn tại, phát triển của ngân hàng và đây được xem là sức mạnh của các ngân hàng trong thời hiện đại.

Ngay từ những ngày đầu thành lập, công tác triển khai tin học hóa toàn hệ thống đã được Ngân hàng quan tâm, chú ý đầu tư thích đáng. Các phần mềm liên tục được bổ sung, nâng cấp với mục đích mang lại sự tiện ích, khoa học trong mọi hoạt động của Ngân hàng. Mức độ đầu tư tỷ lệ thuận với tốc độ phát triển, phù hợp với quy mô và tuân thủ phương châm công nghệ phải đi trước một bước. Mức độ đầu tư năm 2008 cho CNTT là 6.224 triệu đồng thì năm 2009, con số này tăng lên tới 8.918 triệu đồng; chiếm 2,62% tổng chi phí hoạt động thường niên. Cho đến nay, ngoài ứng dụng quản trị hệ thống của corebanking, tại HABUBANK, CNTT đã được ứng dụng trên hầu hết các mảng hoạt động khác của Ngân hàng như Quản trị rủi ro hoạt động; Quản lý nhân sự; Quản lý khách hàng; Quản lý cổ đông; Thanh toán điện tử liên ngân hàng; Chuyển điện thanh toán quốc tế SWIFT; Chăm điểm tín dụng; SMS Banking; Quản lý tài sản nội bộ; các phần mềm quản lý các chương trình khuyến mại, chăm sóc khách hàng...

Năm 2009, nhờ hệ thống CNTT hiện đại, hầu hết các giao dịch của HABUBANK được xử lý một cách chính xác và nhanh chóng. Ngân hàng duy trì được hoạt động ổn định và an toàn suốt 24/7, đáp ứng được các chuẩn mực quốc tế. HABUBANK tiếp tục được các ngân hàng quốc tế uy tín như HSBC, Citibank, Wachovia, SCB bình chọn là Ngân hàng thanh toán quốc tế xuất sắc nhờ hiệu quả mang lại từ việc ứng dụng CNTT trong hoạt động thanh toán. Cũng trong năm qua, ứng dụng CNTT đã giúp HABUBANK giảm được 10% chi phí và thời gian tác nghiệp, mở rộng kênh bán hàng, mang lại tiện ích cho cả cán bộ, nhân viên lẫn khách hàng.

Có thể nói, CNTT đã tiếp cho HABUBANK thêm sức mạnh, tự tin khẳng định vị thế, cạnh tranh lành mạnh cùng các ngân hàng trong và ngoài nước. Cùng với việc chú trọng công tác đào tạo, nâng cao nghiệp vụ của đội ngũ chuyên viên CNTT, tiếp tục đầu tư thích đáng, triển khai các dự án nâng cấp và đổi mới hệ thống phần mềm, trong tương lai gần, HABUBANK đang vươn tới hình ảnh một ngân hàng hiện đại với mọi hoạt động giao dịch được xử lý một cách chuẩn xác và tự động.





Công tác tổ chức nhân sự

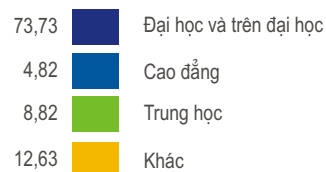
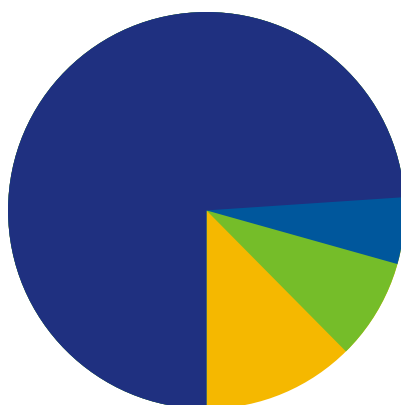
Để đáp ứng cho hoạt động của hơn 50 chi nhánh và phòng giao dịch trên cả nước, HABUBANK thường xuyên tiến hành tuyển dụng và đào tạo nhân viên ở các vị trí theo đúng chính sách tuyển dụng mà Ngân hàng đang áp dụng. Năm 2009, số lượng nhân viên của HABUBANK là hơn 1.100 cán bộ, trong đó hơn 73% có trình độ đại học và trên đại học. Trung tâm đào tạo của HABUBANK thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nội bộ, hội thảo chuyên ngành nhằm nâng cao chất lượng cán bộ và chuẩn bị nguồn nhân lực kế cận. Trong năm 2009, có tổng số 58 khoá học đã được tổ chức cho 737 lượt cán bộ ngân hàng. Hầu hết các nhân viên nghiệp vụ của HABUBANK đều được đào tạo qua các lớp chức danh chuyên nghiệp đạt chuẩn quốc tế.

Chính sách nhân sự phù hợp với tình hình phát triển của Ngân hàng đã giúp các cán bộ nhân viên HABUBANK yên tâm làm việc và góp phần làm nên thành công của HABUBANK trong năm 2009 với năng suất lợi nhuận trước thuế của mỗi nhân viên làm ra là 459 triệu đồng. Đây là con số được đánh giá là cao trong hệ thống ngân hàng Việt Nam - nhất là trong tình hình kinh tế còn nhiều bất ổn như hiện nay.

Việc tăng trưởng đội ngũ nhân sự đồng nghĩa với việc gia tăng thêm quỹ lương của HABUBANK. Trong năm 2009, tổng quỹ lương của HABUBANK tăng 24,7% so với năm 2008. Thu nhập bình quân của nhân viên tăng từ 8,39 triệu đồng năm 2008 lên 9,78 triệu đồng. Những cán bộ làm việc tại HABUBANK từ 1 năm trở lên sẽ được tham gia Tiết kiệm gửi góp bình an và được HABUBANK hỗ trợ 50% số tiền đóng góp hàng năm - đây là một phúc lợi gia tăng của Ngân hàng dành cho các nhân viên gắn bó lâu dài với HABUBANK.

Với quan điểm "Con người là trọng tâm", HABUBANK luôn thực hiện đúng các chính sách đãi ngộ nhân sự đã đề ra. Đó chính là lý do năm 2009, số lượng nhân viên gắn bó lâu dài với HABUBANK tiếp tục duy trì với tỷ lệ cao.

Trình độ	Tỷ lệ (%)	Năm 2009
Đại học và trên đại học	73,73	811
Cao đẳng	4,82	53
Trung học	8,82	97
Khác	12,63	139
Tổng cộng	1002	1.100



Biểu đồ nhân sự về trình độ học vấn

Hướng về cộng đồng



Hướng về cộng đồng là một trong những hoạt động thường xuyên của HABUBANK cùng với nhiệm vụ kinh doanh. Hàng năm, HABUBANK luôn trích một phần từ lợi nhuận, quỹ phúc lợi của mình cùng với sự đóng góp của cán bộ nhân viên, khách hàng, đối tác để giúp đỡ những vùng quê bị thiên tai nặng nề, những gia đình nghèo, những người già neo đơn, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, để tận tay trao những phần quà bằng tất cả tấm lòng.

“Vi đất nước cần một trái tim”

Là trái tim của cháu Trần Đức Anh (Hải Phòng), cháu Nguyễn Thế Công (Hà Nam), cháu Lê Đình Sang (Yên Bái) và rất nhiều cháu nhỏ khác nữa đã được HABUBANK tài trợ chi phí phẫu thuật tim bẩm sinh và có một cuộc sống mới khỏe mạnh. “Có một trái tim khỏe mạnh, các cháu sẽ có một cơ thể khỏe mạnh để sống và trở thành người có ích” - tâm niệm ấy luôn tràn trề trong lòng những người làm lãnh đạo tại HABUBANK. Với những đứa trẻ mà ngay từ khi sinh ra cuộc sống đã gắn liền với bệnh viện, với những chai dịch truyền, những viên thuốc đắng, hơi thở nặng nhọc bởi trái tim yếu đuối thì một chiếc máy tạo nhịp tim vĩnh viễn sẽ giúp các em sớm trở về với cuộc sống bình thường như bao đứa trẻ khác.

Chỉ một tháng sau khi được phẫu thuật đặt máy tạo nhịp tim, các cháu đều trở nên nhanh nhẹn, hoạt bát hơn và đã muốn được vui chơi chứ không còn yếu ớt như trước. Chị Nguyễn Thu Hà - mẹ cháu Nguyễn Thế Công vẫn xúc động khi nghĩ về giây phút thấy lại nụ cười trên môi con sau bao ngày chiến đấu với bệnh tật tưởng chừng phải buông xuôi: “Nhờ có Ngân hàng HABUBANK, con tôi mới có cơ hội được làm người, còn vợ chồng tôi còn cơ hội làm cha mẹ”.

Những hành trình mang đến niềm vui

Trong năm 2009, HABUBANK đã tổ chức thành công hành trình “Cùng HABUBANK lo Tết cho người nghèo” trong một loạt các hoạt động kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Ngân hàng. Không những phát động tinh thần đóng góp bằng vật chất, tiền mặt, HABUBANK còn tổ chức các đoàn từ thiện mà tình nguyện viên chính là các cán bộ nhân viên đã về với người dân các địa phương Ý Yên (Nam Định), Sóc Sơn, Thạch Thất (Hà Nội), Bắc Ninh. Mỗi chuyến đi, HABUBANK mang theo không chỉ bánh kẹo, bánh chưng, quần áo ấm... mà còn cả một tinh thần tương thân tương ái. Nhờ thế, hơn 500 gia đình, gần 200 cháu nhỏ đã có một cái Tết Kỷ Sửu đầm ấm, sum vầy như trong chính gia đình mình. Hơn cả giá trị những món quà HABUBANK mang đến cho các gia đình và các trẻ em khuyết tật, thông qua các chuyến đi như thế, cán bộ nhân viên HABUBANK đều cảm thấy vui mừng vì đã đóng góp công sức làm nên thành công của chương trình, giúp người nghèo có một cái Tết đầm ấm hơn.

Sau Tết là đến mùa mưa bão. Hành trình của đoàn cứu trợ HABUBANK ngay lập tức có mặt tại hai tỉnh Quảng Trị và Quảng Nam sau cơn bão số 8 vào cuối tháng 9/2009. 400 túi gạo theo HABUBANK đến với 2 địa phương này vừa kịp thời giúp bà con trang trải miếng ăn còn thiếu thốn sau bão, vừa là lời động viên, chia sẻ trước những mất mát mà bà con vừa trải qua.

Ông Cáp Kim Liên - Chủ tịch Hội chữ thập đỏ tỉnh Quảng Trị cho biết: “HABUBANK là ngân hàng đến với người dân tỉnh Quảng Trị sớm nhất. Mặc dù HABUBANK chưa có chi nhánh, phòng giao dịch nào tại Quảng Trị nhưng những tình cảm, sự chia sẻ của HABUBANK dành cho người dân nơi đây khiến chúng tôi rất cảm động và trân trọng”.

Làm từ thiện không phải vì muốn quảng bá hình ảnh, cũng không phải để nhận thành tích, HABUBANK đơn giản chỉ muốn chia sẻ bớt những khó khăn, vất vả, những thiệt hại về người và của mà người dân tại các địa phương nghèo phải hứng chịu, nhất là sau cơn bão. Sự ghi nhận từ Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam, Ủy ban Quốc gia người cao tuổi, Quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam, Bệnh viện nhi Trung ương... chính là sự khẳng định rằng: những hoạt động của HABUBANK vô cùng có ý nghĩa trong việc cùng các bộ - ban - ngành Trung ương và địa phương, các doanh nghiệp khác cả nước chung tay vì một nước Việt Nam giàu đẹp hơn.



Các dự án phát triển trong năm 2009

Trong thời gian qua, HABUBANK đã triển khai một số dự án phục vụ các mục tiêu chiến lược của Ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tăng cường hiệu quả hoạt động và đảm bảo an toàn cho Ngân hàng và khách hàng. Cụ thể:

■ Phát triển dịch vụ Tư vấn tài chính cá nhân

HABUBANK là ngân hàng trong nước đầu tiên cung cấp dịch vụ Tư vấn tài chính cá nhân chuyên nghiệp và sáng tạo nhất dành cho khách hàng cá nhân. Sau hơn một năm triển khai, dịch vụ này đã thu hút một lượng lớn khách hàng thuộc nhiều lứa tuổi. Với mục tiêu đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng giàu có về các sản phẩm đầu tư, từ cuối năm 2009, HABUBANK đã thành lập nhóm dự án gồm các chuyên viên giàu kinh nghiệm và sáng tạo để tập trung phát triển các sản phẩm đầu tư nhằm củng cố vị trí dẫn đầu của Ngân hàng trong mảng dịch vụ Tư vấn tài chính cá nhân. Trong năm qua, nhiều cuộc nghiên cứu thị trường đã được thực hiện để hỗ trợ phát triển mảng kinh doanh này. Dự án phát triển sản phẩm đầu tư dự kiến sẽ hoàn thành vào đầu năm 2010 và sẽ đưa ra các sản phẩm đầu tư linh hoạt, đáp ứng từng nhu cầu riêng biệt và đa dạng của mỗi khách hàng.

■ Khai trương Trung tâm dịch vụ khách hàng

Ngày 21.12.2009, HABUBANK đã chính thức khai trương Trung tâm dịch vụ khách hàng (HABUBANK Contact Center), mở ra một kênh giao dịch mới cho khách hàng của Ngân hàng. HABUBANK đã sử dụng giải pháp của tập đoàn tổng đài của Avaya, tập đoàn hàng đầu thế giới trong lĩnh vực truyền thông doanh nghiệp, cho phép HABUBANK cung cấp tới khách hàng dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao, nâng cao hiệu quả và tính cạnh tranh cho các dịch vụ của HABUBANK. Thông qua hệ thống tổng đài Contact Center, khách hàng có thể tự thực hiện các giao dịch qua hệ thống thoại tự động (bằng điện thoại cố định, di động) hoặc email để tra cứu số dư tài khoản tiền gửi, tiết kiệm, tiền vay, tra cứu điểm của chương trình khuyến mại, đổi mật khẩu giao dịch. Khách hàng cũng có thể thực hiện một số giao dịch thông qua các chuyên viên chăm sóc khách hàng như khóa thẻ ATM, đăng ký tham gia và đăng ký nhận quà chương trình Cảm ơn đầu chỉ dùng lời, tìm hiểu thêm các thông tin về các chương trình khuyến mãi, tỷ giá, lãi suất. Khách hàng cũng có thể gặp các chuyên viên tư vấn, là những cán bộ giàu kinh nghiệm được lựa chọn từ các phòng ban nghiệp vụ để tìm hiểu về các sản phẩm dịch vụ hiện có của Ngân hàng hoặc để được giải quyết các khiếu nại, thắc mắc nếu có...

Hệ thống tổng đài này có thể xử lý đồng thời 30 cuộc gọi đến từ khách hàng cùng lúc, với số lượng máy điện thoại lên đến hơn 200 số khác nhau. Các cuộc gọi điện đến của khách hàng được phân phối một cách thông minh nhất từ khách hàng tới các điện thoại viên dựa trên các thông tin đã được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu lịch sử các cuộc gọi đến/đi, loại dịch vụ khách hàng sử dụng... Nhờ dữ liệu quản lý thông tin khách hàng, các chuyên viên chăm sóc khách hàng có đầy đủ thông tin về khách hàng đang gọi một cách nhanh nhất như: thông tin cá nhân, lịch sử sử dụng dịch vụ, các giao dịch mới nhất. Hệ thống ghi âm lời thoại và màn hình giúp ghi lại những trao đổi giữa khách hàng với chuyên viên chăm sóc khách hàng cũng như các giao dịch diễn ra trên màn hình máy tính của chuyên viên chăm sóc khách hàng đó để Ngân hàng có thể kiểm soát chất lượng phục vụ khách hàng, giải quyết các xung đột phát sinh (nếu có) và đặc biệt, hệ thống cho phép lập các báo cáo thống kê, phục vụ cho công tác nghiên cứu cải tiến chất lượng dịch vụ của Ngân hàng và/hoặc xây dựng sản phẩm dịch vụ mới phục vụ khách hàng một cách tốt nhất.

Trong năm 2010, Contact Center của HABUBANK sẽ mở rộng thêm các giao dịch như chuyển tiền, kết nối với Công ty Chứng khoán HABUBANK để cung cấp các thông tin về đầu tư chứng khoán, đặt lệnh mua bán chứng khoán.

■ Dự án Chuyển giao kiến thức với Deutsche Bank

Trong năm 2009, HABUBANK tiếp tục triển khai các dự án chuyển giao kiến thức với Deutsche Bank nhằm phát triển và tăng cường năng lực quản trị rủi ro trong toàn hệ thống với mục tiêu phát hiện, đo lường, kiểm soát và báo cáo các rủi ro phát sinh từ hoạt động tín dụng, nguồn vốn và hoạt động giao dịch cũng như các hoạt động đầu tư khác. Ngân hàng đã thành lập Ủy ban quản trị rủi ro với chức năng cụ thể trong các mảng rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro hoạt động. HABUBANK không tập trung đơn thuần vào lợi nhuận trước mắt mà ưu tiên sự cân bằng dài hạn giữa rủi ro và lợi nhuận. Ban lãnh đạo HABUBANK luôn coi quản trị rủi ro là nền tảng quan trọng trong hoạt động của Ngân hàng, do đó, trong năm qua, hoạt động quản trị rủi ro đã được tăng cường cả về quy mô cũng như chất lượng.

Ý thức được tầm quan trọng của dự án, Ngân hàng đã bố trí đủ nguồn lực cần thiết để triển khai dự án hiệu quả với sự hỗ trợ của các chuyên gia tư vấn Deutsche Bank.

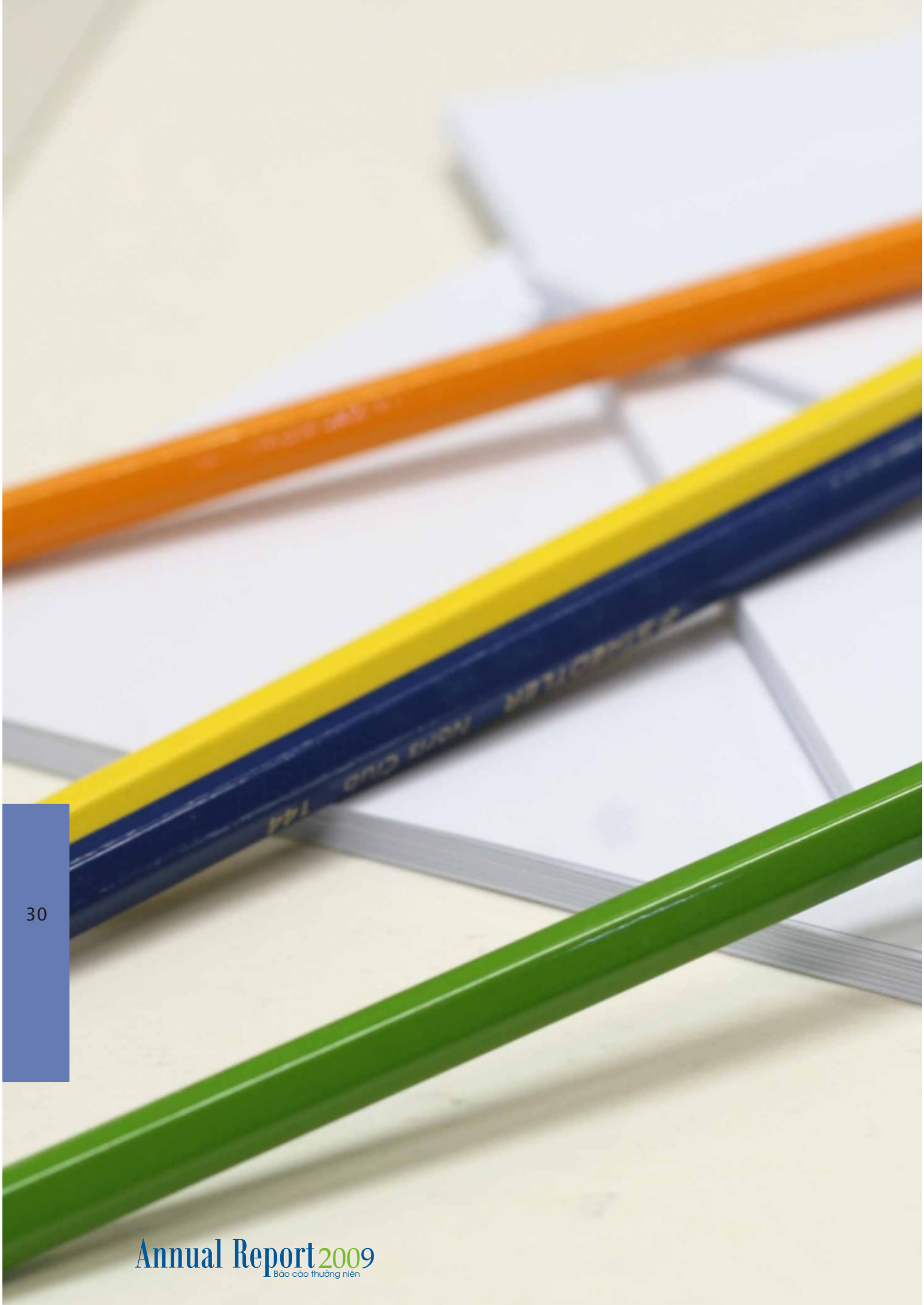
■ Dự án nâng cấp hệ thống chuyển mạch thẻ

HABUBANK đã hoàn thành việc lựa chọn giải pháp để nâng cấp hệ thống chuyển mạch thẻ mới cho Ngân hàng, ký hợp đồng với các nhà cung cấp để có thể triển khai trong quý I và quý II/2010.

■ Dự án Tài chính Nông thôn III

Tiếp theo thành công của Dự án Tài chính Nông thôn I và II, HABUBANK tiếp tục được lựa chọn tham gia Dự án Tài chính Nông thôn III, khởi động từ ngày 10 tháng 01 năm 2009. Đây là dự án được Ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ với mục tiêu hỗ trợ các quỹ tín dụng nhân dân và các doanh nghiệp vừa và nhỏ tăng cường năng lực thể chế và xây dựng các sản phẩm tài chính phục vụ công cuộc phát triển nông thôn tại Việt Nam kèm theo những tiêu chuẩn khắt khe về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện các tiểu dự án. Việc tham gia dự án sẽ giúp HABUBANK có cơ hội đóng góp nhiều hơn trong việc hiện đại hoá nông thôn Việt Nam, nâng cao uy tín và thương hiệu của mình và đa dạng trong việc huy động nguồn vốn cho hoạt động của Ngân hàng.





HABUBANK

Công tác Quản trị Rủi ro



Công tác Quản trị Rủi ro

Tại HABUBANK, Ủy ban quản trị rủi ro có nhiệm vụ chỉ đạo và triển khai các chính sách quản trị rủi ro trong toàn hệ thống, giám sát hoạt động của bộ máy điều hành và các đơn vị trực thuộc HABUBANK trong việc thực hiện chính sách về quản trị rủi ro. Bên cạnh đó, Ủy ban quản trị rủi ro còn có chức năng tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành và sửa đổi, bổ sung các quy trình, chính sách, hệ thống để nhận biết và kiểm soát toàn diện các rủi ro trong quá trình hoạt động của Ngân hàng.

Đại hội đồng cổ đông lần thứ 18 đã giao cho Hội đồng Quản trị và Ban điều hành HABUBANK 3 nhiệm vụ lớn, trong đó nhiệm vụ số 1 là phải kiểm soát hoạt động kinh doanh của Ngân hàng an toàn và hiệu quả, hoàn thiện tầng quản lý rủi ro tài chính theo chuẩn mực quốc tế tốt nhất; đảm bảo Ngân hàng vượt qua thách thức và khó khăn trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế trong nước và thế giới hiện nay. Thành công lớn nhất của HABUBANK trong năm là việc kiện toàn bộ máy quản trị rủi ro, giúp các Ủy ban chính sách vận hành hiệu quả; các Ban triển khai đã đưa vào ứng dụng các công cụ quản lý rủi ro thanh khoản, quản lý tài sản nợ và có, cũng như quản lý vốn chủ sở hữu theo các tiêu chuẩn quốc tế tốt và cập nhật nhất, mà quá trình triển khai là vô cùng phức tạp do phải liên tục cập nhật với thay đổi chính sách ngành, và nhu cầu tổ chức lại dữ liệu toàn Ngân hàng, đảm bảo phục vụ tốt nhất cho các yêu cầu quản lý mới.

- **Tỷ lệ an toàn vốn:** Tính bằng Tổng vốn chủ sở hữu trên Tổng tài sản có rủi ro. HABUBANK tiếp tục hoàn thành vượt kế hoạch đề ra của Đại hội đồng cổ đông khi duy trì tỷ lệ này đạt trên 15%.
- **Tỷ lệ đòn bẩy tài chính:** HABUBANK đã duy trì tỷ lệ này ở mức 10 lần nhờ triển khai mục tiêu tăng trưởng Tổng tài sản và Vốn điều lệ hiệu quả. Vốn điều lệ trong năm tăng từ 2.800 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng, tăng trưởng 7% so với 31/12/2008 và đạt 100% kế hoạch đề ra.
- **Tỷ lệ cho vay khách hàng so với Tổng tài sản:** HABUBANK đạt trên 45% thể hiện việc cơ cấu tổng tài sản được phân tán tốt hơn, ít bị phụ thuộc hơn vào dư nợ cho vay khách hàng và có mức rủi ro tài sản thấp hơn bình quân ngành.
- **Tỷ lệ Vốn khả dụng:** HABUBANK luôn được duy trì trên 30% so với Tổng tài sản có (so với bình quân ngành 27%) và Tỷ suất chứng khoán ngắn hạn so với Huy động cũng luôn duy trì trên 30% (so với bình quân ngành trên 25%). Quan điểm quản lý quốc tế theo chuẩn tốt nhất duy trì các tỷ suất trên ở mức 30%.
- **Tỷ lệ cho vay/Huy động thị trường I:** Tại HABUBANK, tỷ lệ này đạt 90%. Đây là thành công lớn của HABUBANK trong năm qua trong tình hình thị trường có nhiều bất ổn. Điều đó cho thấy HABUBANK thực hiện đúng các chính sách kích cầu của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, đồng thời đảm bảo nguồn thu lợi nhuận cho Ngân hàng.
- **Tỷ lệ ROE:** Năm 2009, lợi nhuận thuần trước thuế và sau khi trích dự phòng đạt 505 tỷ đồng, bằng 126% kế hoạch. Với mức lợi nhuận này, tỷ lệ ROE tính trên vốn điều lệ bình quân của HABUBANK đạt 14,32% sau thuế, tương ứng 18,8% trước thuế. HABUBANK đã tạm ứng tỷ lệ cổ tức bằng tiền mặt cho các cổ đông như kế hoạch đã đặt ra là 10% và chia cổ phiếu thưởng là 2,3%.
- **Tỷ suất hiệu quả sử dụng tài sản ROA:** Năm 2009, ROA của HABUBANK đạt 1,5%, tương ứng trước thuế đạt 1,9%.
- **Cơ cấu thu nhập phi tín dụng:** Tỷ suất Thu nhập thuần phi tín dụng so với Tổng thu nhập hoạt động thuần năm 2009 của HABUBANK đạt trên 35%, duy trì cơ cấu thu nhập phi tín dụng tốt, tăng nhiều so với 2008.

Quản lý Tài sản nợ có, Rủi ro Thị trường và Rủi ro Thanh khoản



Ủy ban Quản lý Tài sản nợ có, Rủi ro Thị trường và Rủi ro Thanh khoản đã đảm trách và điều phối việc quản lý chiến lược và tình trạng của Bảng tổng kết tài sản của HABUBANK, tạo ra lợi nhuận ổn định và tăng trưởng bền vững của Ngân hàng; đảm bảo có thể phân tán rủi ro ở mức chấp nhận được; cân bằng được rủi ro/lợi nhuận và đảm bảo tuân thủ luật pháp và các quy định. Ủy ban đóng vai trò trung tâm trong việc quản lý thanh toán của Ngân hàng, phân tích cấu trúc tài sản nợ và tài sản có, báo cáo kết quả phân tích của mình cũng như kiến nghị thay đổi cấu trúc này lên Hội đồng Quản trị. Ban Quản lý rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản chủ động tham gia vào việc giám sát hoạt động nhận tiền gửi và thu hút các nguồn vốn và quyết định cấu trúc tài sản nợ và tài sản có của HABUBANK.

Ban Quản lý rủi ro thị trường trong năm qua đã tiến hành nghiên cứu thị trường để xây dựng các chính sách, quy trình, hạn mức, tỷ lệ về rủi ro thị trường nhằm đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và mục tiêu quản trị rủi ro của HABUBANK. Bằng các nghiên cứu đó, Ban Quản lý rủi ro thị trường đã đưa ra những định hướng mang tính chiến lược về giá nhằm hạn chế các rủi ro do biến động lãi suất, tỷ giá ngoại tệ, giá các loại chứng khoán...

Chính sách quản lý rủi ro thanh khoản của HABUBANK dựa trên các yêu cầu và hạn chế do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định và phù hợp với các kỳ hạn của tài sản và các khoản nợ của HABUBANK để đảm bảo rằng HABUBANK có đủ nguồn thanh toán đáp ứng các khoản nợ khi các khoản nợ này đến hạn.

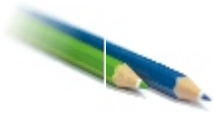
Năm 2009, HABUBANK tiếp tục duy trì các chính sách đảm bảo thanh khoản theo quan điểm thận trọng, căn cứ trên đánh giá về tình hình phát triển kinh tế Việt Nam, tình hình phát triển kinh tế khu vực và toàn cầu có nhiều biến động với các chính sách tài chính tiền tệ có nhiều thay đổi. Theo đó, các tỷ lệ an toàn đều cao hơn so với yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng như tiêu chuẩn quốc tế.

Quản trị Rủi ro Tín dụng



Trong năm 2009, HABUBANK đã đạt được một số thành tựu nhất định trong hoạt động quản trị rủi ro tín dụng, cụ thể:

- Thành lập phòng Chính sách tín dụng tham mưu cho các cấp lãnh đạo xây dựng danh mục tín dụng đa dạng và có khả năng sinh lời cao, ban hành chính sách tín dụng phù hợp;
- Nghiên cứu nhằm nâng cấp hệ thống xếp hạng tín dụng khách hàng để tiến tới phân loại nợ theo hướng định tính thay vì định lượng;
- Hoạt động phê duyệt và kiểm soát giải ngân được thực hiện tập trung để kiểm soát và hạn chế phòng ngừa tối đa tổn thất do rủi ro tín dụng gây ra;
- Thành lập bộ phận chuyên trách mảng hoạt động định giá và quản lý tài sản để đảm bảo tính khách quan trong việc phân tích, thẩm định về tài sản đảm bảo của khoản tín dụng hỗ trợ các cấp lãnh đạo trước khi ra quyết định;
- Tỷ lệ nợ quá hạn của Ngân hàng luôn trong tầm kiểm soát và thấp hơn nhiều so với mức quy định của Ngân hàng Nhà nước. Tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2009, tỷ lệ nợ xấu trên tổng số danh mục khoản vay của HABUBANK là 2,14% tính theo chuẩn mực VAS;



Quản trị Rủi ro Hoạt động

Thông qua khung chính sách và các công cụ kiểm soát, Ban Quản trị Rủi ro Hoạt động đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng và nổi bật trong lĩnh vực quản trị rủi ro hoạt động:

- Thành lập chính thức Ban Quản trị Rủi ro Hoạt động, đồng thời ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản trị Rủi ro Hoạt động.
- Xây dựng bộ quy trình chuẩn các nghiệp vụ chính của từng đơn vị thuộc HABUBANK. Trên cơ sở những quy trình đã được chuẩn hóa này, HABUBANK có thể đánh giá hiệu quả và chất lượng của từng chốt kiểm soát trong từng quy trình, từ đó phát hiện, ngăn chặn và giảm thiểu rủi ro có thể phát sinh cho HABUBANK.
- Triển khai có hiệu quả quy trình thu thập và thống kê các sự kiện rủi ro hoạt động. Đây là cơ sở giúp Ban điều hành phân tích, đánh giá những rủi ro hoạt động đã và đang tồn tại trong Ngân hàng, tìm nguyên nhân và đưa ra giải pháp xử lý phù hợp.
- Xây dựng bộ chỉ số hoạt động chính (KPI) nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của từng đơn vị. Dựa trên những số liệu và thông tin cụ thể từ các chỉ số hoạt động chính này, HABUBANK sẽ đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị trong hệ thống, đồng thời xây dựng các chỉ số rủi ro chính (KRI) để chỉ ra những điểm rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng theo các cấp độ đã được định nghĩa sẵn.
- Xây dựng và triển khai các công việc liên quan đến Kế hoạch kinh doanh liên tục (BCP). Theo đó, Ngân hàng đã chuẩn bị sẵn sàng về địa điểm dự phòng và các trang thiết bị, máy móc kèm theo để đảm bảo mọi hoạt động của tất cả các đơn vị không bị gián đoạn trong mọi tình huống. Đồng thời, HABUBANK cũng đã đưa ra những tình huống giả định và phương án xử lý thích hợp.



Kiểm toán Nội bộ

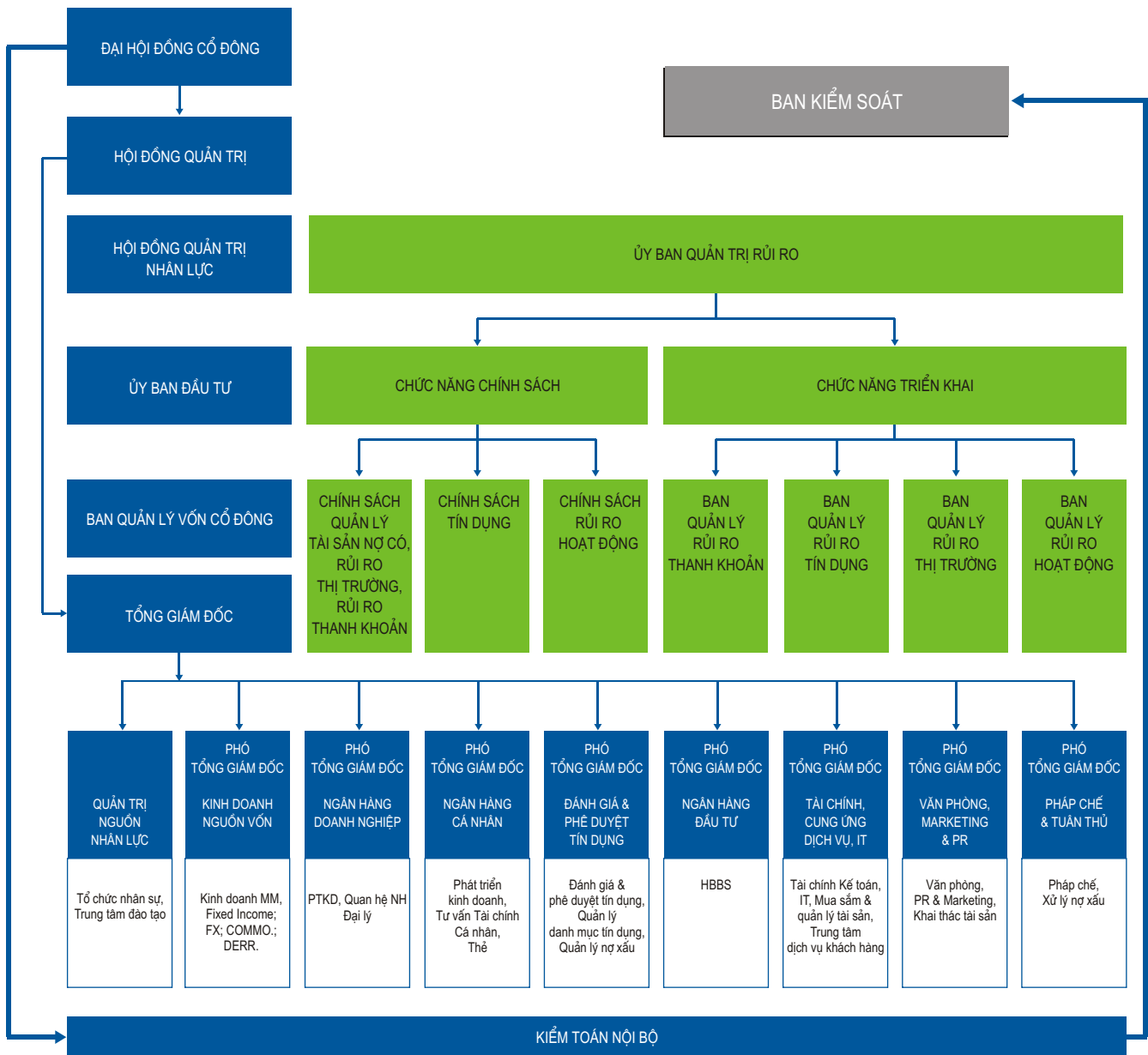
HABUBANK có Phòng Kiểm toán Nội bộ chuyên kiểm soát việc tuân thủ các quy định và báo cáo lên Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Định kỳ và luân phiên trong năm, Phòng Kiểm toán Nội bộ có trách nhiệm kiểm toán toàn bộ các mảng hoạt động của Ngân hàng tại Hội sở, các chi nhánh, sở giao dịch và công ty trực thuộc, đặc biệt chú trọng giám sát việc thực hiện quy trình tín dụng, quy trình kế toán, hệ thống dữ liệu của từng đơn vị để kịp thời phát hiện ra các rủi ro tiềm ẩn có thể mang lại các tổn thất cho Ngân hàng. Phòng Kiểm toán Nội bộ cũng có nhiệm vụ kiểm tra toàn bộ hệ thống dữ liệu của Ngân hàng.



Pháp chế và Tuân thủ

HABUBANK có Phòng Pháp chế và Kiểm soát Tuân thủ với đội ngũ nhân viên pháp chế có kinh nghiệm: (i) tư vấn cho Ban điều hành HABUBANK về pháp lý/việc tuân thủ pháp luật một cách nhanh chóng, rõ ràng, có hiệu quả; (ii) tư vấn và làm đầu mối cho Ngân hàng để làm việc với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng trong các vụ kiện dân sự, kinh tế; (iii) đánh giá các rủi ro pháp lý có thể xảy ra trong hoạt động, sản phẩm, dịch vụ Ngân hàng và báo cáo lên Ban điều hành; và (iv) thẩm định, đưa ra ý kiến pháp lý đối với các sản phẩm, dịch vụ mới của Ngân hàng;... Phòng Pháp chế và Kiểm soát Tuân thủ cũng có trách nhiệm thực thi, kiểm tra việc thực hiện tuân thủ pháp luật hạn chế rủi ro pháp lý trong toàn bộ hệ thống tổ chức, hoạt động và kinh doanh của HABUBANK. Phòng Pháp chế và Kiểm soát Tuân thủ là đầu mối thực thi các chính sách về chống rửa tiền của các đơn vị có liên quan trong Ngân hàng, làm đầu mối trong việc xây dựng chính sách kiểm soát chống rửa tiền và lập báo cáo tuân thủ, báo cáo liên quan đến hoạt động chống rửa tiền theo chính sách của Nhà nước, điều ước quốc tế và các quy định pháp luật hiện hành.

Nhờ quan điểm phát triển Ngân hàng theo hướng thận trọng song song với việc tận dụng các cơ hội kinh doanh một cách phù hợp với từng thời điểm, HABUBANK đã vượt qua khó khăn từ cuộc khủng hoảng tài chính một cách thuận lợi hơn và đảm bảo các công tác quản trị rủi ro của Ngân hàng đạt được kết quả tốt.



Sơ đồ cơ cấu quản trị rủi ro của HABUBANK



HABUBANK

Thông tin Cổ đông



Thông tin Cổ đông

■ Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
01	Bà Bùi Thị Mai	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
02	Ông Đinh Đức Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
03	Bà Nguyễn Thị Minh Hải	Thành viên Ban kiểm soát	Hết nhiệm kỳ ngày 14 tháng 3 năm 2009

■ Vốn điều lệ

Vốn điều lệ đầu kỳ (1/1/2009)	Vốn điều lệ tăng trong kỳ (thời gian)	Vốn điều lệ cuối kỳ (31/12/2009)
2.800 tỷ đồng	200 tỷ đồng (Tháng 12/2009)	3.000 tỷ đồng

■ Số lượng cổ đông

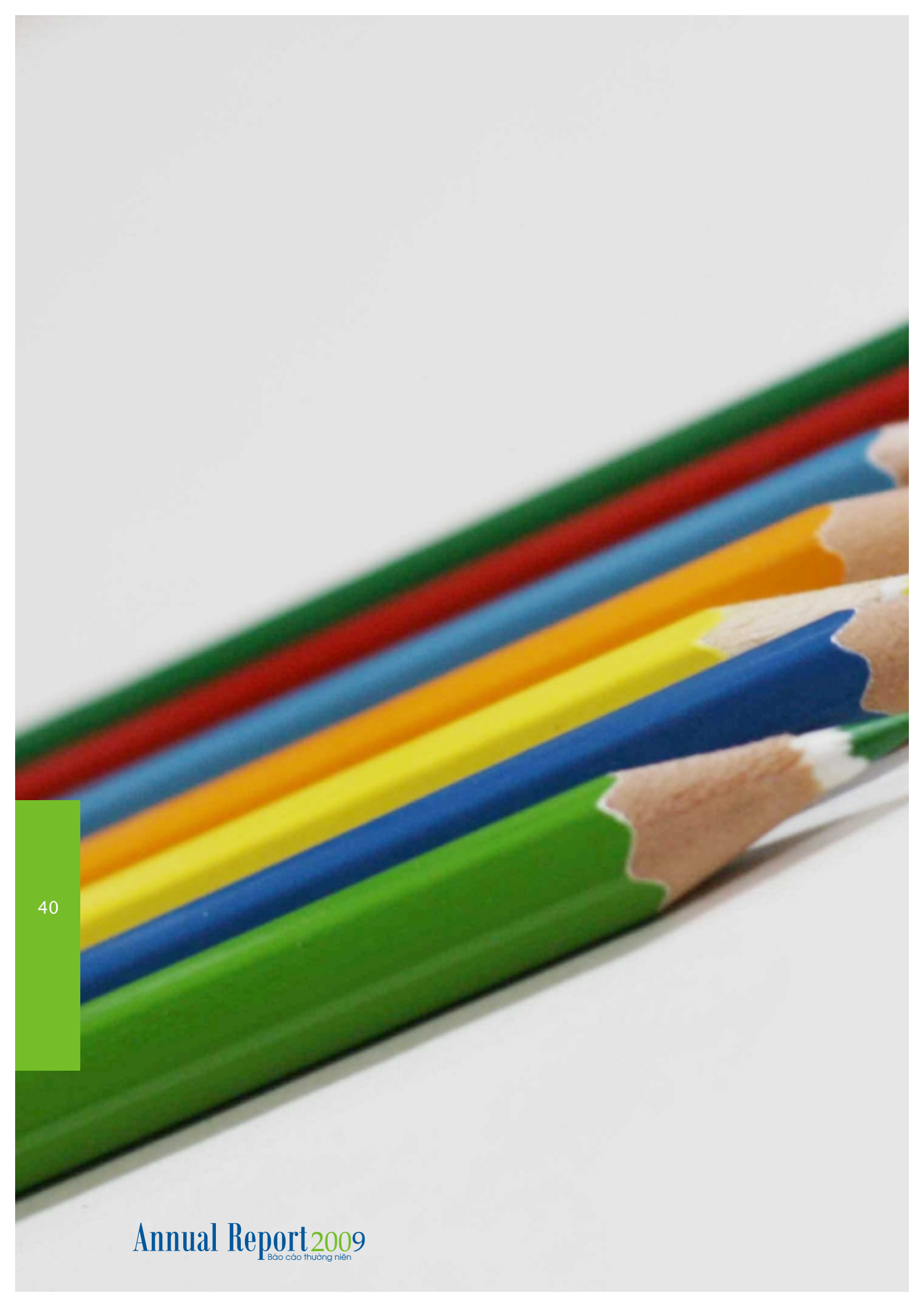
Số lượng cổ đông đầu kỳ	Số lượng cổ đông tăng trong kỳ	Số lượng cổ đông giảm trong kỳ	Số lượng cổ đông cuối kỳ
2.302	356	-	2.658
Trong đó 84 cổ đông là tổ chức	10	-	Trong đó 94 cổ đông là tổ chức

Cơ cấu cổ đông của HABUBANK

Stt	HỌ VÀ TÊN	SỐ CP SỞ HỮU ĐẦU KỲ (01/01/2009)	PHÁT SINH TRONG KỲ		SỐ CP SỞ HỮU CUỐI KỲ (31/12/2009)
			Tăng	Giảm	
I	CỔ ĐÔNG LÀ PHÁP NHÂN				
1	Pháp nhân nước ngoài	28.000.000	2.000.000	-	30.000.000
2	Pháp nhân trong nước	123.248.879	10.250.149	-	133.499.028
II	CỔ ĐÔNG LÀ THỂ NHÂN				
1	Thể nhân trong nước	128.751.121	7.749.851	-	136.500.972
	Trong đó cổ đông sở hữu trên 5% vốn cổ phần	28.000.000	17.575.530	-	45.575.530
	TỔNG CỘNG (I+II)	280.000.000	20.000.000	-	300.000.000

Trong đó

Stt	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CP SỞ HỮU ĐẦU KỲ (01/01/2009)	PHÁT SINH TRONG KỲ		SỐ CP SỞ HỮU CUỐI KỲ (31/12/2009)
				Tăng	Giảm	
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ GỒM:						
1	Ông Nguyễn Văn Bằng	Chủ tịch HĐQT	3.599.820	8.142.634	-	11.742.454
2	Bà Bùi Thị Mai	Phó Chủ tịch HĐQT	229.309	17.661	-	246.970
3	Ông Nguyễn Tuấn Minh	Ủy viên HĐQT	352.604	-	204.370	148.234
4	Bà Dương Thu Hà	Ủy viên HĐQT	1.053.696	-	247.302	806.394
5	Ông Đỗ Trọng Thắng	Ủy viên HĐQT	91.515	86.422	-	177.937
6	Ông Joseph Paul Longo (Đại diện pháp nhân của CP nước ngoài là Deutsche Bank Aktiengesellschaft)	Ủy viên HĐQT	28.000.000	2.000.000	-	30.000.000
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT GỒM:						
1	Bà Trần Thị Lan Hương	Trưởng ban kiểm soát	77.974	-	18.300	59.674
2	Bà Trần Thị Hà Giang	Thành viên ban kiểm soát	21.578	-	6.578	15.000
3	Ông Đinh Đức Tuấn	Thành viên ban kiểm soát	309.778	22.124	-	331.902
THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH GỒM:						
1	Bà Bùi Thị Mai	Tổng giám đốc	229.309	17.661	-	246.970
2	Ông Đỗ Trọng Thắng	Phó Tổng giám đốc	91.515	86.422	-	177.937
3	Bà Lê Thu Hương	Phó Tổng giám đốc	99.536	21.300	-	120.836
4	Ông Nguyễn Tuấn Minh	Phó Tổng giám đốc	352.604	-	204.370	148.234
5	Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Tổng giám đốc	32.599	-	4.101	28.498





HABUBANK

Hướng tới năm 2010



Hướng tới năm 2010

Nhờ việc tiếp tục duy trì giám sát và hỗ trợ ngành tài chính ngân hàng, kèm với các gói chính sách kích thích tăng trưởng của các quốc gia, nền kinh tế thế giới nói chung đã vượt qua đáy của cơn khủng hoảng. Nền kinh tế lớn nhất thế giới là Mỹ đã kết thúc giai đoạn suy thoái và đang dần bước vào giai đoạn phục hồi mặc dù còn chậm và gây nhiều tranh cãi.

Kinh tế Việt Nam cũng đã vượt qua giai đoạn khó khăn và đang trên đà hồi phục. Nhiều doanh nghiệp sau khi được tiếp vốn từ chính sách kích cầu của Chính phủ đã hồi phục sản xuất và đạt kết quả tốt. Mặc dù các gói hỗ trợ của Chính phủ đã phát huy tốt tác dụng nhưng 2009 vẫn là một năm khó khăn đối với nền kinh tế của đất nước và đặc biệt đối với hoạt động ngân hàng Việt Nam.

HABUBANK cũng không nằm ngoài bối cảnh chung của ngành và trong năm 2009, nhờ những quyết sách và bước đi đúng đắn, Ngân hàng đã vượt qua giai đoạn khó khăn, từng bước thành công trong kinh doanh. Con số lợi nhuận mà HABUBANK đạt được trong năm phần nào phản ánh được sự ổn định - an toàn và hiệu quả vẫn tiếp tục được duy trì. Đây cũng chính là yếu tố tiên quyết giúp HABUBANK đứng vững trên thị trường và giữ được niềm tin đối với khách hàng, các cổ đông, các nhà đầu tư và 1.100 nhân viên của mình. HABUBANK đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao với các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch.

Mặc dù đã có những chuyển biến tốt về các chỉ tiêu kinh doanh trong năm 2009, thận trọng vẫn là hướng đi mà HABUBANK lựa chọn cho năm 2010 để đảm bảo khả năng tài chính vững chắc đồng thời giữ vững mục tiêu tăng trưởng ổn định, đồng đều trên mọi phương diện.

Trên cơ sở những nhận định về tình hình kinh tế trong nước và thế giới sẽ phục hồi nhưng là sự phục hồi chậm, đồng thời nhiều khó khăn, bất ổn vẫn tồn tại, HABUBANK sẽ tiếp tục duy trì quan điểm quản trị rủi ro theo hướng thận trọng, giữ vững các tỷ lệ an toàn theo tiêu chuẩn quốc tế và Ngân hàng Nhà nước. Năm 2010 được Hội đồng Quản trị, Ban điều hành nhận định là năm bản lề cho giai đoạn 5 năm 2010 - 2014 với mục tiêu nâng cao năng lực và vị thế cạnh tranh trên thị trường. Để làm được điều đó, HABUBANK phải hoàn thành tốt 3 nhiệm vụ:

Về hoạt động kinh doanh:

- Tiếp tục tập trung vào công tác huy động vốn, thực hiện kế hoạch phát hành 1.050 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi và 1.000 tỷ đồng trái phiếu thường.
- Chuyển đổi hữu hiệu cơ cấu thu nhập chủ yếu dựa vào tín dụng sang gia tăng các mảng kinh doanh mang lại thu nhập về phí và phi tín dụng khác cho HABUBANK.
- Đa dạng hóa các nguồn thu kinh doanh, tận dụng thời cơ mở rộng danh mục đầu tư vào các ngành có tiềm năng và hiệu suất đầu tư tốt nhằm đảm bảo thu nhập dài hạn ổn định cho Ngân hàng.
- Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển sản phẩm sản phẩm dịch vụ mới, đặc biệt là khối Ngân hàng cá nhân và khối Ngân hàng đầu tư. Triển khai việc kết nối với các tổ chức thẻ quốc tế như Visa, Master để có thể phát hành các loại thẻ quốc tế.
- Nâng cao năng lực vốn, quản trị điều hành, nguồn nhân lực và hạ tầng thông tin đảm bảo các mục tiêu phát triển thị phần bằng cách (i) đa dạng hoá các kênh nhằm tăng vốn chủ sở hữu cho Ngân hàng, gia tăng thêm nhà đầu tư chiến lược; (ii) bổ sung và hoàn thiện bộ máy quản trị điều hành để nâng cao khả năng lãnh đạo Ngân hàng trong giai đoạn mới bên cạnh việc không ngừng nâng cao trình độ các cấp quản lý, nhân viên đi kèm với chính sách đãi ngộ hợp lý, cạnh tranh; (iii) nâng cao năng lực hạ tầng thông tin để đảm bảo mở rộng và phát triển thêm các kênh cung ứng dịch vụ mới từ xa cũng như đáp ứng tốt nhu cầu khẩn cấp của công tác quản trị điều hành, hỗ trợ hiệu quả quản trị rủi ro thống nhất và xuyên suốt toàn khối.

Về tổ chức và phát triển mạng lưới:

- Hoàn thiện mô hình tổ chức mới: phân mảng - khối kinh doanh, đồng thời tổ chức triển khai việc xây dựng kế hoạch kinh doanh và đề xuất các chính sách bán hàng của từng khối/ mảng kinh doanh (dịch vụ Ngân hàng cá nhân, dịch vụ Ngân hàng doanh nghiệp...).
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực mới có chất lượng cao để chủ động đáp ứng yêu cầu phát triển Ngân hàng trong quá trình cạnh tranh và hội nhập. Các chính sách nhân sự luôn đảm bảo đi đầu để làm tiền đề cho sự phát triển của HABUBANK trong giai đoạn mới. Nghiên cứu thành lập Trung tâm phân tích nghiên cứu kinh tế và tài chính cho toàn khối HABUBANK.
- Tích cực mở rộng mạng lưới, mở thêm các điểm giao dịch mới tại các địa bàn trọng điểm như Hà Nội, Hải Dương, Nha Trang - Khánh Hòa, đặc biệt chú trọng mở rộng mạng lưới tại thành phố Hồ Chí Minh và các khu vực lân cận phía Nam.

- Gia tăng thị phần các dịch vụ tài chính trọng tâm, trong đó nhấn mạnh vào (i) gia tăng thị phần ngân hàng bán lẻ thông qua việc tích cực phát triển khách hàng huy động mới, phân tán danh mục tín dụng nhằm hạn chế tối đa rủi ro, đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng mạng lưới giao dịch nhanh chóng nhưng đảm bảo an toàn và hiệu quả trong hoạt động; (ii) gia tăng thị phần từ thu phí với nghiệp vụ ngân hàng đầu tư cung ứng cho nhóm khách hàng doanh nghiệp vừa và lớn.
- Cổ phần hóa công ty chứng khoán.

Về công tác hỗ trợ hoạt động:

- Đẩy mạnh việc phát triển hình ảnh Ngân hàng, đặc biệt là trên các địa bàn mới mở điểm giao dịch và khu vực phía Nam.
- Xây dựng chính sách khách hàng thống nhất trên toàn khối, trong đó, chú trọng việc xây dựng hệ thống chính sách chăm sóc khách hàng.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động marketing và phát triển sản phẩm mới cho từng mảng kinh doanh phù hợp với đối tượng khách hàng mục tiêu.

Bước sang năm 2010, trong điều kiện kinh doanh vẫn còn rất nhiều những biến động của thị trường, HABUBANK ưu tiên tập trung vào việc duy trì hoạt động kinh doanh ổn định bao gồm cả việc ổn định về nhân sự, chất lượng nguồn nhân lực và ổn định về tài chính. Công tác đẩy mạnh nghiên cứu phát triển sản phẩm, dịch vụ mới - nhất là khối Ngân hàng cá nhân cũng là một trong những mục tiêu chiến lược của HABUBANK trong năm tới. Công tác phân loại khách hàng để xây dựng chính sách khách hàng theo nhóm khách hàng cũng được HABUBANK ưu tiên đặt lên hàng đầu để có thể chăm sóc khách hàng một cách toàn diện nhất.

Với các mục tiêu cơ bản nêu trên, HABUBANK đề ra kế hoạch kinh doanh trong năm 2010 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị (Đến 31-12-2009)	Tăng trưởng (%)
1. Tổng tài sản	35.000 - 40.000 tỷ VND	20 - 35%
2. Vốn chủ sở hữu	3.200 - 3.500 tỷ VND	6 - 16%
3. Tổng huy động	30.000 - 35.000 tỷ VND	20 - 40%
trong đó: Huy động thị trường 1	19.000 - 21.000 tỷ VND	24 - 38%
4. Tổng dư nợ	16.000 - 17.000 tỷ VND	20 - 27%
5. Thu từ phí và dịch vụ (%/tổng thu)	18 - 22%	
6. Lợi nhuận trước thuế và sau khi trích dự phòng	650 - 700 tỷ VND	30 - 40%
7. ROAE trước thuế	20%	
8. ROAA trước thuế	2%	
9. Tỷ lệ Nợ quá hạn (NPL)	< 3%	
10. Cổ tức dự kiến	12% - 15%	
11. Mạng lưới	63 - 68 điểm giao dịch	
12. Xếp loại Ngân hàng	Loại A	



Các danh hiệu và giải thưởng năm 2009

Stt	Tên giải thưởng	Đơn vị trao tặng
01	Chất lượng Quốc tế (IQS) - Hạng vàng	Tổ chức Sáng kiến Thương mại Quốc tế (BID)
02	Bảng vàng Doanh nghiệp văn hóa Unesco	Liên hiệp các hội UNESCO Việt Nam
03	Nhãn hiệu nổi tiếng (3 năm liền)	Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam
04	Doanh nghiệp vì cộng đồng	Cục xúc tiến Thương mại
05	Thương hiệu mạnh	Cục xúc tiến Thương mại
06	Doanh nhân tiêu biểu cho Tổng Giám đốc HABUBANK	VCCI
07	Ngân hàng Thanh toán Quốc tế xuất sắc	Wachovia Bank, HSBC, Citibank, SCB
08	Thành viên đầu thầu tiêu biểu 2009	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Báo đầu tư chứng khoán
09	Thương hiệu vàng, Logo và Slogan ấn tượng	Hiệp hội chống hàng giả và bảo vệ thương hiệu Việt Nam
10	“An hựu” được đánh giá trong Top 200 sản phẩm Tin và dùng	Thời báo Kinh tế Việt Nam
11	Quả cầu Vàng	Vinh danh doanh nghiệp WTO
12	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam	Vietnam Report







HABUBANK

Báo cáo tài chính năm 2009



Báo cáo tài chính năm 2009

Số tham chiếu: 60755044/17092008-HBB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (“Ngân hàng”) và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh đi kèm như được trình bày từ trang 2 đến trang 59 (“các báo cáo tài chính hợp nhất”). Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng và các công ty con, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Young Vietnam Ltd
Võ Tân Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0264/KTV

Võ Xuân Minh
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0923/KTV

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 01 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	31/12/ 2009 <i>Triệu đồng</i>	31/12/ 2008 <i>Triệu đồng</i>
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	177.159	167.874
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)	237.563	87.271
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	8.619.783	8.675.515
Tiền, vàng gửi tại TCTD khác	8.542.171	8.675.515
Cho vay các TCTD khác	77.612	-
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	-	-
Chứng khoán kinh doanh	899.409	23.103
Chứng khoán kinh doanh	916.356	73.199
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(16.947)	(50.096)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	5.210	-
Cho vay khách hàng	13.138.567	10.275.166
Cho vay khách hàng	13.358.406	10.515.947
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(219.839)	(240.781)
Chứng khoán đầu tư	5.268.166	3.532.726
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	3.481.911	3.415.650
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	1.800.774	117.076
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(14.519)	-
Góp vốn, đầu tư dài hạn	180.625	302.337
Đầu tư vào công ty con	-	-
Vốn góp liên doanh	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-
Đầu tư dài hạn khác	202.503	302.337
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(21.878)	-
Tài sản cố định	207.895	183.780
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>180.261</i>	<i>151.487</i>
Nguyên giá tài sản cố định	267.494	211.428
Hao mòn tài sản cố định	(87.233)	(59.941)
Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
Nguyên giá tài sản cố định	-	-
Hao mòn tài sản cố định	-	-
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>27.634</i>	<i>32.293</i>
Nguyên giá tài sản cố định	45.899	43.793
Hao mòn tài sản cố định	(18.265)	(11.500)
Bất động sản đầu tư	-	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư	-	-
Hao mòn bất động sản đầu tư	-	-
Tài sản có khác	506.002	358.945
Các khoản phải thu	168.137	77.803
Các khoản lãi, phí phải thu	315.790	259.252
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	-
Tài sản Có khác	22.075	21.890
Trong đó: Lợi thế thương mại	-	-
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	-	-
TỔNG TÀI SẢN	29.240.379	23.606.717

	31/12/ 2009 <i>Triệu đồng</i>	31/12/ 2008 <i>Triệu đồng</i>
NỢ PHẢI TRẢ		
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	2.441.814	-
Tiền gửi và vay các TCTD khác	7.573.385	8.324.362
Tiền gửi của các TCTD khác	7.573.385	8.301.424
Vay các TCTD khác	-	22.938
Tiền gửi của khách hàng	13.648.467	11.081.949
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	2.439	-
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	236.210	554.706
Phát hành giấy tờ có giá	1.568.500	-
Các khoản nợ khác	517.665	652.939
Các khoản lãi, phí phải trả	261.602	500.242
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	237.766	137.363
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	18.297	15.334
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	25.988.480	20.613.956
VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Vốn và các quỹ	3.251.899	2.992.761
Vốn của TCTD	3.001.455	2.818.455
Vốn điều lệ	3.000.000	2.800.000
Vốn đầu tư XDCB	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	1.455	18.455
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Vốn khác	-	-
Quỹ của TCTD	118.353	101.383
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	1.931	1.931
Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ lũy kế	130.160	70.992
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	29.240.379	23.606.717

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/ 2009 <i>Triệu đồng</i>	31/12/ 2008 <i>Triệu đồng</i>
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		
Bảo lãnh vay vốn	-	-
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	696.405	1.556.577
Bảo lãnh khác	1.081.184	968.830
	1.777.589	2.525.407
Các cam kết đưa ra		
Cam kết tài trợ cho khách hàng	83.800	61.100
Cam kết khác	-	73.740
	83.800	134.840

Người lập

Bà Phạm Thị Đông Thành
Kê toán

Người phê duyệt

Bà Lê Cẩm Tú
Kê toán trưởng

Người phê duyệt

Bà Bùi Thị Mai
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 1 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	31/12/ 2009 Triệu đồng	31/12/ 2008 Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	2.408.016	2.541.248
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(1.749.422)	(1.780.422)
Thu nhập lãi thuần	658.594	760.826
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	122.406	131.564
Chi phí hoạt động dịch vụ	(13.105)	(9.280)
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	109.301	122.284
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	32.192	7.639
Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	15.159	(58.874)
Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	51.299	1.676
Thu nhập từ hoạt động khác	29.515	5.300
Chi hoạt động khác	(2.878)	(5)
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác	26.637	5.295
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	9.190	10.949
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	902.372	849.795
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		
Chi phí nhân viên	(134.173)	(106.916)
Chi phí khấu hao và khấu trừ	(35.138)	(26.652)
Chi phí hoạt động khác	(170.585)	(125.490)
	(339.896)	(259.058)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	562.476	590.737
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(57.626)	(110.315)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	504.850	480.422
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(97.303)	(128.255)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN	(97.303)	(128.255)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	407.547	352.167
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.406	1.243
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI ĐẦU NĂM	70.992	293.774
Lợi nhuận thuần trong năm	407.547	352.167
LỢI NHUẬN TRƯỚC KHI PHÂN PHỐI	478.539	645.941
<i>Trừ:</i>		
Trích lập các quỹ dự trữ theo quy định của năm trước	(66.804)	(39.467)
Tạm trích các quỹ năm nay	-	(1.054)
Trả cổ tức cho năm trước	-	(132.558)
Tạm ứng cổ tức cho năm nay	(280.000)	(400.000)
Điều chỉnh kết quả KTNN/ quyết toán thuế	-	(1.865)
Các khoản khác	(1.575)	(5)
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI CUỐI NĂM	130.160	70.992

Người lập: Bà Phạm Thị Đông Thành
 Kế toán

Người phê duyệt: Bà Lê Cẩm Tú
 Kế toán trưởng

Người phê duyệt: Bà Bùi Thị Mai
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 29 tháng 1 năm 2010



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	31/12/ 2009 <i>Triệu đồng</i>	31/12/ 2008 <i>Triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	2.351.478	2.469.767
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(1.988.062)	(1.517.062)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	109.301	122.284
Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ	83.202	(9.516)
Thu nhập khác	1.333	5.336
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	200	-
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(299.907)	(215.662)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	(101.015)	(83.123)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	156.530	772.024
<i>Những thay đổi về tài sản hoạt động</i>		
Tăng/(Giảm) các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	(1.028.455)	1.724.633
(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	(2.561.116)	(1.116.352)
(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(5.210)	-
(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng	(2.842.459)	(1.096.569)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)	(75.039)	(2.606)
(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động	(128.900)	(14.579)
<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>		
Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN	2.441.814	(307.434)
Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD	(750.977)	(2.481.173)
Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)	2.566.518	2.614.567
Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	1.568.500	(292.021)
Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	(318.496)	456.742
Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	2.439	-
Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động	121.710	(42.863)
Chi từ các quỹ của TCTD	(1.962)	(3.471)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(855.103)	210.898
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định	(24.717)	(85.422)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	101	-
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Mua sắm bất động sản đầu tư	-	-
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	(35.262)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	94.182	900
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	4.663	9.909
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	74.229	(109.875)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tăng vốn điều lệ	135.000	-
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	-	-
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	-	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(277.289)	(532.558)
Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ	-	-
Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ	-	-
Các khoản khác	(1.447)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(143.736)	(532.558)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(924.610)	(431.535)
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ	6.639.755	7.071.290
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	5.715.145	6.639.755

Các giao dịch phi tiền tệ:

Trong năm 2009, vốn điều lệ của Ngân hàng tăng 65.000 triệu đồng Việt Nam do tăng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

Người lập

Bà Phạm Thị Đông Thành
Kế toán

Người phê duyệt

Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Bà Bùi Thị Mai
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 1 năm 2010



Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2009

1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (sau đây được gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.1 Thành lập và Hoạt động

Ngân hàng được thành lập từ năm 1989 theo Quyết định số 104/QĐ-UB ngày 11 tháng 1 năm 1989 của ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp Giấy phép Hoạt động số 0020/NH-GP ngày 6 tháng 6 năm 1992.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

1.2 Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Ngân hàng là 50.000 triệu đồng và được bổ sung từng thời kỳ theo kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 là 3.000.000 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2008: 2.800.000 triệu đồng).

Vốn tăng lên (triệu đồng)	Được chấp thuận theo	Ngày
800.000	Quyết định số 1882/NHNN-HAN7 ngày 16/10/2009 của Giám đốc NHNN TP Hà Nội	16 tháng 10 năm 2009

1-3 Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Bằng	Chủ tịch	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Bùi Thị Mai	Phó Chủ tịch	Được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Đỗ Trọng Thắng	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Dương Thị Thu Hà	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Joseph Paul Longo	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009

1.4 Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Bùi Thị Mai	Tổng Giám đốc	Được tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2008
Bà Lê Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2001
Ông Đỗ Trọng Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2002
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2003
Bà Nguyễn Dự Hương	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2005
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2007
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2007

1.5 Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Trần Thị Lan Hương	Trưởng ban	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Trần Thị Hà Giang	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Đinh Đức Tuấn	Thành viên	Được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009

1.6 Trụ sở

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội có trụ sở chính đặt tại 15-17 Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam. Vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở giao dịch, mười bảy (17) chi nhánh và ba mươi hai (32) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

1.7 Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Ngân hàng có một (1) công ty con như sau:

Tên Công ty	Quyết định Thành lập số	Lĩnh vực Hoạt động	Tỷ lệ % sở hữu của NH
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội	Đăng ký kinh doanh số 0104000254 ngày 03 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp; Giấy phép hoạt động số 14/UBCK-GPHĐKD ngày 04 tháng 11 năm 2005 do ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Chứng khoán, thị trường vốn	100%

1.8 Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 1.100 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2008: 1.037 người).

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam

Ban Giám đốc Ngân hàng khẳng định các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam.

2.2 Cơ sở lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“triệu đồng” hay “triệu VNĐ”), được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/QĐ-NHNN2 ngày 29 tháng 04 năm 2004 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 và các quyết định bổ sung, sửa đổi Quyết định 479, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, những báo cáo này không được lập nhằm thể hiện tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Hợp nhất các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng và của công ty con tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của công ty con có cùng niên độ lập báo cáo và sử dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán với Ngân hàng.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Báo cáo tài chính của công ty con (trình bày trong Thuyết minh số 1) được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Ngân hàng theo phương pháp hợp nhất toàn phần bắt đầu từ ngày Ngân hàng có quyền kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền, trực tiếp hay gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các đơn vị đó. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con mới được mua hoặc mới được thanh lý trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất một cách hợp lý tính từ ngày mua hoặc tính đến ngày thanh lý.

2.5 Thay đổi chính sách kế toán

Ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán

Theo hướng dẫn của Công văn số 7459/NHNN KTTC của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 30 tháng 8 năm 2006, các chứng khoán vốn mà Ngân hàng nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết được hạch toán vào khoản mục đầu tư dài hạn khác.

Từ ngày 14 tháng 4 năm 2009, Ngân hàng thực hiện áp dụng Công văn số 2601/NHNN-TCKT về việc Hướng dẫn rà soát phân loại và cơ sở trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính do NHNN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009. Theo công văn này và hướng dẫn của công văn 7459/NHNN KTTC nói trên, chỉ có các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác mà Ngân hàng nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban điều hành mới được phân loại là đầu tư dài hạn khác. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Ngân hàng đã thực hiện phân loại lại một số khoản đầu tư từ khoản mục đầu tư dài hạn khác sang khoản mục các khoản đầu tư sẵn sàng để bán, đồng thời thực hiện trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán cho các khoản đầu tư này theo quy định hiện hành về dự phòng áp dụng cho các khoản đầu tư sẵn sàng để bán (nếu có).

Do công văn số 2601/NHNN-TCKT không yêu cầu áp dụng hồi tố, đồng thời, theo hướng dẫn của Thông tư số 20/2006/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 20 tháng 3 năm 2006 hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán số 29 “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót”, việc thay đổi chính sách kế toán do áp dụng lần đầu các quy định của pháp luật hoặc chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán không yêu cầu việc điều chỉnh hồi tố nên số liệu đầu kỳ trên các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không điều chỉnh các ảnh hưởng, nếu có, liên quan đến việc phân loại lại các khoản mục nói trên.

2.6 Điều chỉnh lại số dư đầu kỳ

Trong năm 2009, Ngân hàng đã thực hiện điều chỉnh một số khoản mục đầu kỳ trên báo cáo tài chính, cụ thể như sau:

Trích từ bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

	31/12/2008 Số đã báo cáo Triệu đồng	Phân loại lại/ Điều chỉnh Triệu đồng	31/12/2008 Trình bày lại Triệu đồng	Ghi chú
Chứng khoán kinh doanh	127.929	(54.730)	73.199	(1)
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	3.240.920	188.494	3.429.414	
Chứng khoán đầu tư giữ đến khi đáo hạn	237.076	(133.764)	103.312	(2)
Ảnh hưởng đối với tổng tài sản	3.605.925	-	3.605.925	

- (1) *Phân loại lại “Chứng khoán kinh doanh” sang “Chứng khoán sẵn sàng để bán” do Ngân hàng thay đổi mục đích kinh doanh và thực hiện phân loại lại trong năm 2009.*
- (2) *Phân loại lại “Chứng khoán giữ đến khi đáo hạn” sang “Chứng khoán sẵn sàng để bán” do Ngân hàng bán trước hạn.*

2.7. Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

2.8 Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 1998, Luật Sửa đổi và Bổ sung một số điều trong Luật Các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2004, Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 2 năm 2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định 18/2006/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về việc Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2006/QĐ-NHNN.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2006/QĐ-NHNN.

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, trong vòng 5 năm kể từ tháng 5 năm 2005, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không huỷ ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Chi tiết về phân loại nợ, tính toán dự phòng và số dự phòng Ngân hàng thực tế hạch toán cho đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày ở Thuyết minh số 9.

2.9 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn, chứng khoán khác được Ngân hàng mua hẵn và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch. Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán kinh doanh được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh".

2.10 Chứng khoán đầu tư

2.10.1 Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng mua hẵn với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá tại thời điểm mua, phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (đối với chứng khoán Nợ trả lãi sau) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán Nợ trả lãi trước), được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại của chứng khoán. Lãi dự thu được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian nắm giữ còn lại của chứng khoán.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi có giá trị sụt giảm giá trị lâu dài. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư".

2.10.2 Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi và Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban điều hành. Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán luôn được hạch toán theo giá mua. Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được hạch toán theo mệnh giá tại thời điểm mua, phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (đối với chứng khoán Nợ trả lãi sau) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán Nợ trả lãi trước), được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại của chứng khoán. Lãi dự thu được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian nắm giữ ước tính còn lại của chứng khoán.

Chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư".

2.11 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

2.12 Đầu tư góp vốn dài hạn khác

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời Ngân hàng là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban điều hành. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi giá thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ đối với các khoản đầu tư chứng khoán và khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài đối với các khoản đầu tư góp vốn ban đầu.

Đối với các khoản đầu tư góp vốn ban đầu vào các đơn vị khác, dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Ngân hàng đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

2.13 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

2.14 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.15 Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy tính	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 7 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	theo thời hạn thuê
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

(*): Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không được trích khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê.

2.16 Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở thực thu, thực chi.

Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập.

2.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 tại Thuyết minh số 45). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang Việt Nam đồng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

2.19 Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, vàng, đá quý, tiền gửi thanh toán với Ngân hàng Nhà nước, tín phiếu chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với NHNN, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi, cho vay tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản mục chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua.

2.20 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

2.21 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 6 Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

Dự phòng cụ thể cho các cam kết ngoại bảng được tính tương tự như dự phòng các khoản cho vay khách hàng tại Thuyết minh số 2.8. Chi phí dự phòng được hạch toán trên khoản mục “Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và số dư được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.22 Các hợp đồng phái sinh tiền tệ

Các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi ngoại tệ

Đối với các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị VNĐ của số lượng ngoại tệ cam kết mua / bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản - khoản mục “Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác” nếu dương hoặc khoản mục công nợ - khoản mục “Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác” nếu âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyến tính vào khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trong suốt kỳ hạn của hợp đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và tương lai ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chính thức do NHNN công bố. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại được hạch toán vào khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối”.

2.23 Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

2.24 Sử dụng các ước tính

Việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

2.25 Lợi ích của nhân viên

2.25.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 15% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu do sắp xếp lại lao động được hưởng trợ cấp một tháng lương cơ bản cho một năm (mười hai tháng) công tác và một phần hai tháng lương cơ bản cho mỗi tháng nghỉ hưu trước tuổi (tối đa bằng ba mươi tháng), hạch toán vào quỹ trợ cấp mất việc của Ngân hàng. Ngoài ra người lao động được trợ cấp 3 tháng lương bằng mức lương hiện hưởng (lấy từ lương dự phòng).

2.25.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc.

Trợ cấp mất việc: theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc, mức chi trả tối thiểu cho người lao động bằng hai tháng lương. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Mặc dù nghĩa vụ quy định trong điều 17 và 42 là bắt buộc, việc thực hiện những nghĩa vụ này còn cần tuân theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính trong các thông tư hướng dẫn thực hiện. Theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 7 tháng 6 năm 1999 và Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư 64, các ngân hàng phải tính toán trợ cấp mất việc làm cho nhân viên bằng 3,00%/năm trên lương cơ bản của nhân viên. Ngoài ra, số dư của quỹ trợ cấp thôi việc đã được trích lập trước đây bằng 10,00% của lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi phần trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ theo Thông tư 64 nên được chuyển sang quỹ trợ cấp mất việc cho nhân viên theo Thông tư 82.

2.25.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

(Chi tiết Báo cáo Tài chính xem tại trang 123)